



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

BẢN TIN NHÀ ĐẦU TƯ

Tháng 3 năm 2023



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Biến cơ hội thành giá trị

Nội dung	Tỷ lệ sở hữu tối đa được phép (%)	Số lượng CK tối đa được phép nắm giữ	Số lượng CK đang nắm giữ			Tỷ lệ đang nắm giữ (%)			Số lượng được phép nắm giữ thêm (+) vượt room	Ghi chú
			01/3/2023	31/3/2023	Thay đổi	01/3/2023	31/3/2023	Thay đổi		
CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	100	813.156.748	757.973.604	756.856.594	(1.117.010)	93,21	93,08	(0,13)	Số lượng và tỷ lệ nắm giữ thay đổi theo phiên GD	
CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	49	398.446.806	55.183.144	56.300.154	1.117.010	6,79	6,92	0,13		
Tổng			813.156.748	813.156.748		100,00	100,00			

Phân loại	Tên Cổ đông	Số lượng CK đang nắm giữ	Tỷ lệ đang nắm giữ (%)	Ghi chú
Cổ đông lớn	Công ty CP Tập đoàn T&T	45.505.734	5,596	Không thay đổi từ ngày 25/7/2022
Cổ đông khác		767.651.014	94,404	
Cổ đông nhà nước, cổ phiếu quỹ		0	0	

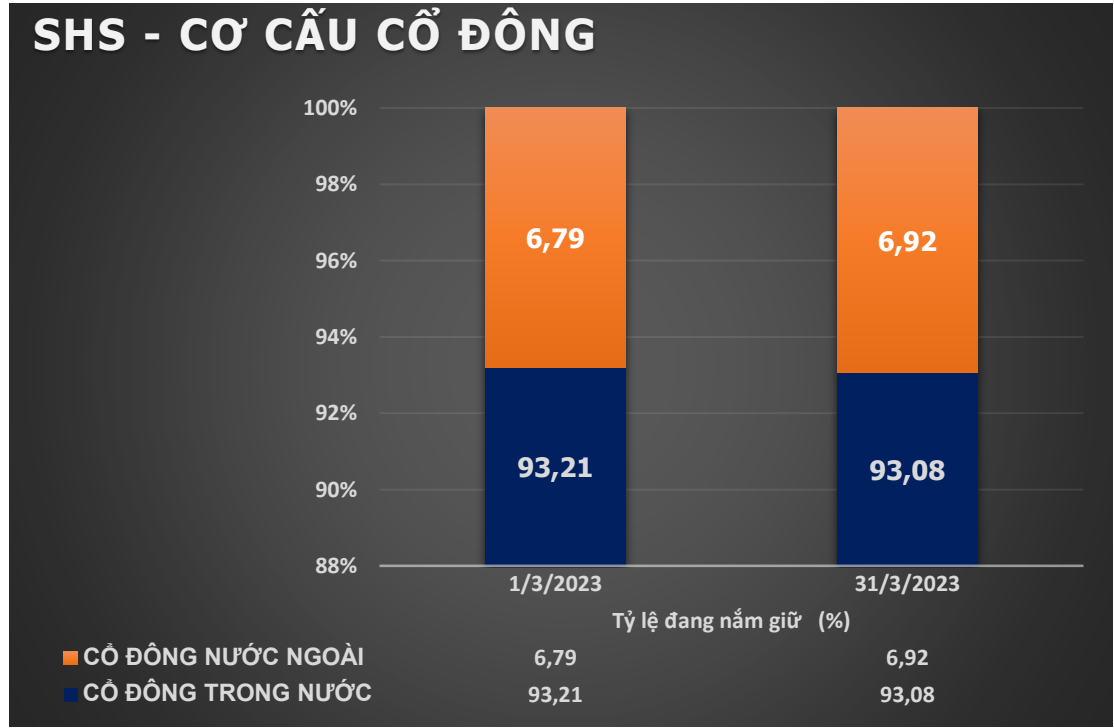
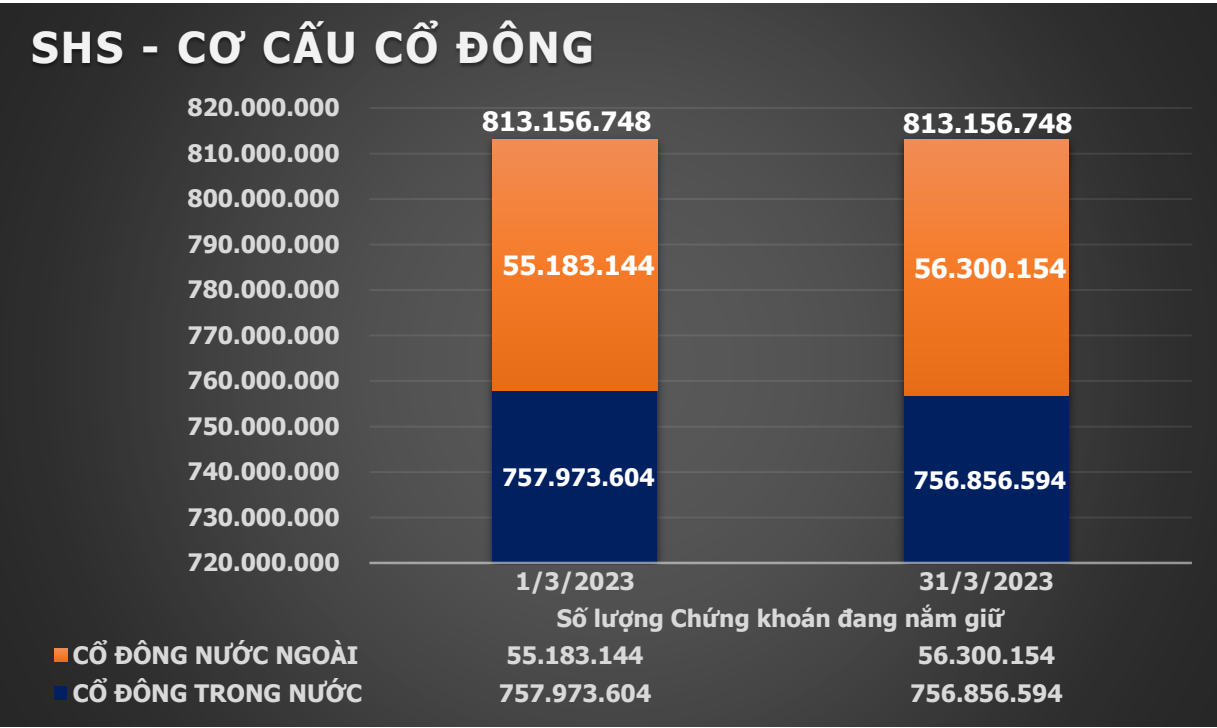
Vốn điều lệ: 8.131.567.480 đồng
KL CP đang niêm yết: 813.156.748 cp
KL CP đang lưu hành: 813.156.748 cp

Nguồn: VSD https://vsd.vn:9994/VSD_PORTAL/ckeditor/161/cpqJU_18072023%20viet.pdf



Biến cơ hội thành giá trị

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG





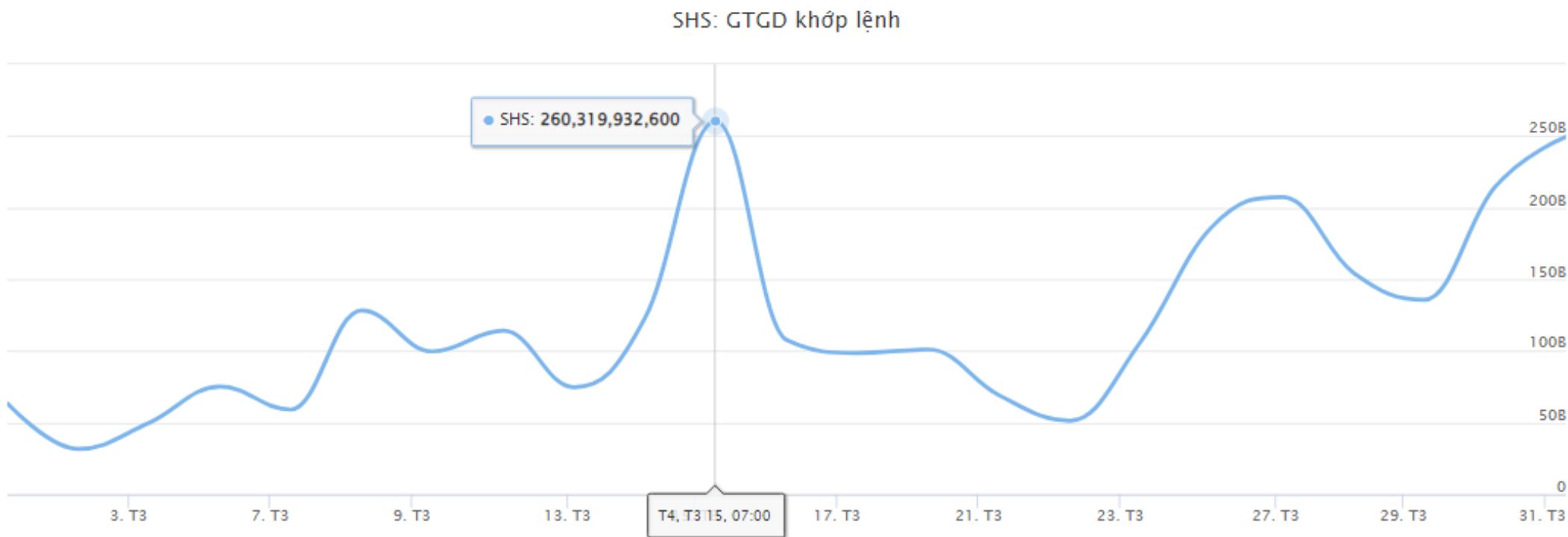
Biến cơ hội thành giá trị

CỔ PHIẾU SHS

THÁNG 3/2023

SHS là cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất tại HNX, với tỷ trọng 21,3% khối lượng giao dịch toàn thị trường, tương đương hơn 315 triệu cổ phiếu được giao dịch.

Nguồn: https://ssc.gov.vn/webcenter/portal/ubck/pages_r//chitit?dDocName=APPSSCGOVVN1620128525





Biến cơ hội thành giá trị

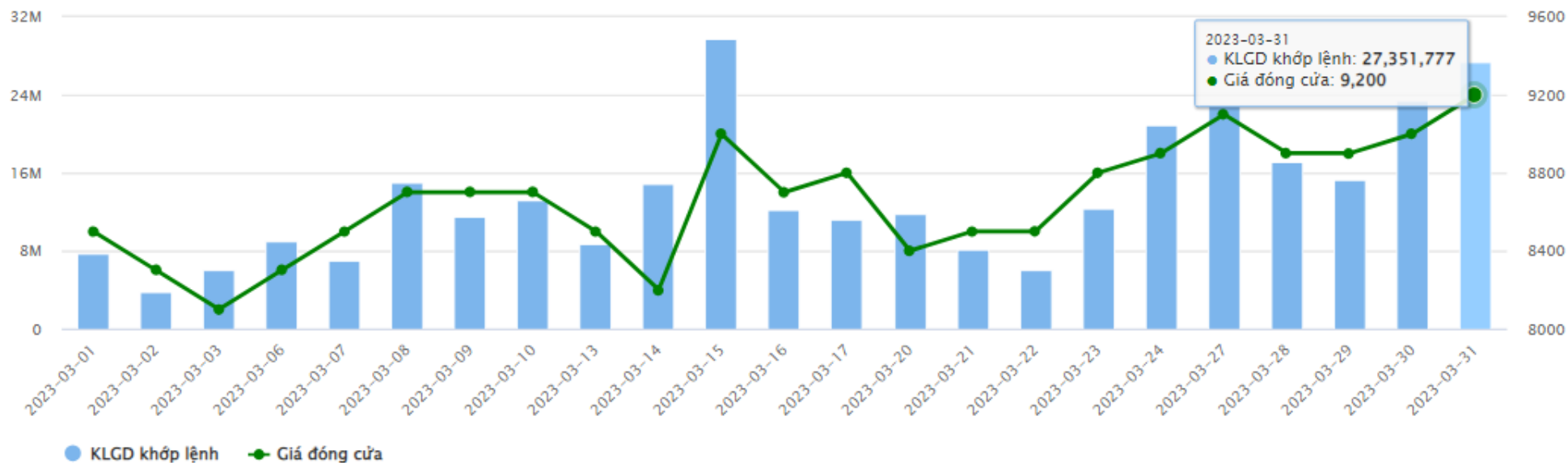
CỔ PHIẾU SHS

THÁNG 3/2023

Cổ phiếu SHS đã có sự vận động tích cực trở lại trong tháng 3/2022, có 2/3 tháng tăng giá trong quý 1/2023, ghi nhận chuỗi 5 tuần tăng giá liên tiếp kể từ đầu tháng 3/2023 (+27%), kết phiên 31/3/2023 đạt 9.200 đồng; thanh khoản trung bình 10 phiên đạt hơn 22,7 triệu đơn vị/phiên. Tính từ đầu năm, cổ phiếu SHS đã tăng 10,7% và hiện đã đứng trước cơ hội lấy lại xu hướng tăng dài hạn nếu bứt phá khỏi vùng giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

CP SHS được giao dịch ký quỹ trở lại từ 7/4/2023 nhờ LNST kiểm toán năm 2022 đạt hơn 162 tỷ đồng.

SHS: Giá đóng cửa

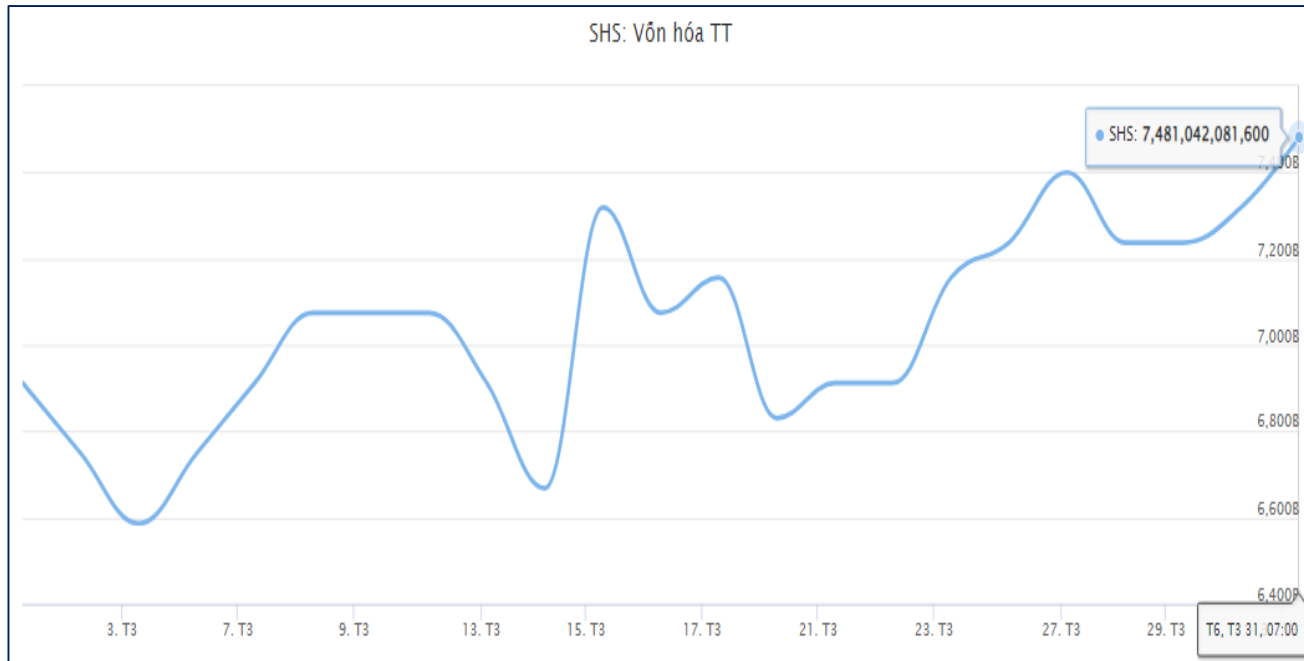




Biến cơ hội thành giá trị

CỔ PHIẾU SHS

THÁNG 3/2023



Giá tham chiếu: 8,100 VND

Giá đóng cửa: 9,200 VND

KLGD: 7,689,845 cp

KLGD: 26,601,877 cp

Kết quả: Trong 23 ngày giao dịch

Biến động giá

1,100 (13.58%)

Giá đóng cửa cao nhất

9,200 VND (31/03/2023)-

Giá đóng cửa thấp nhất

8,100 VND (03/03/2023)-

KLGD/ngày

13,672,045 cp

KLGD nhiều nhất

29,685,914 cp (15/03/2023)-

KLGD ít nhất

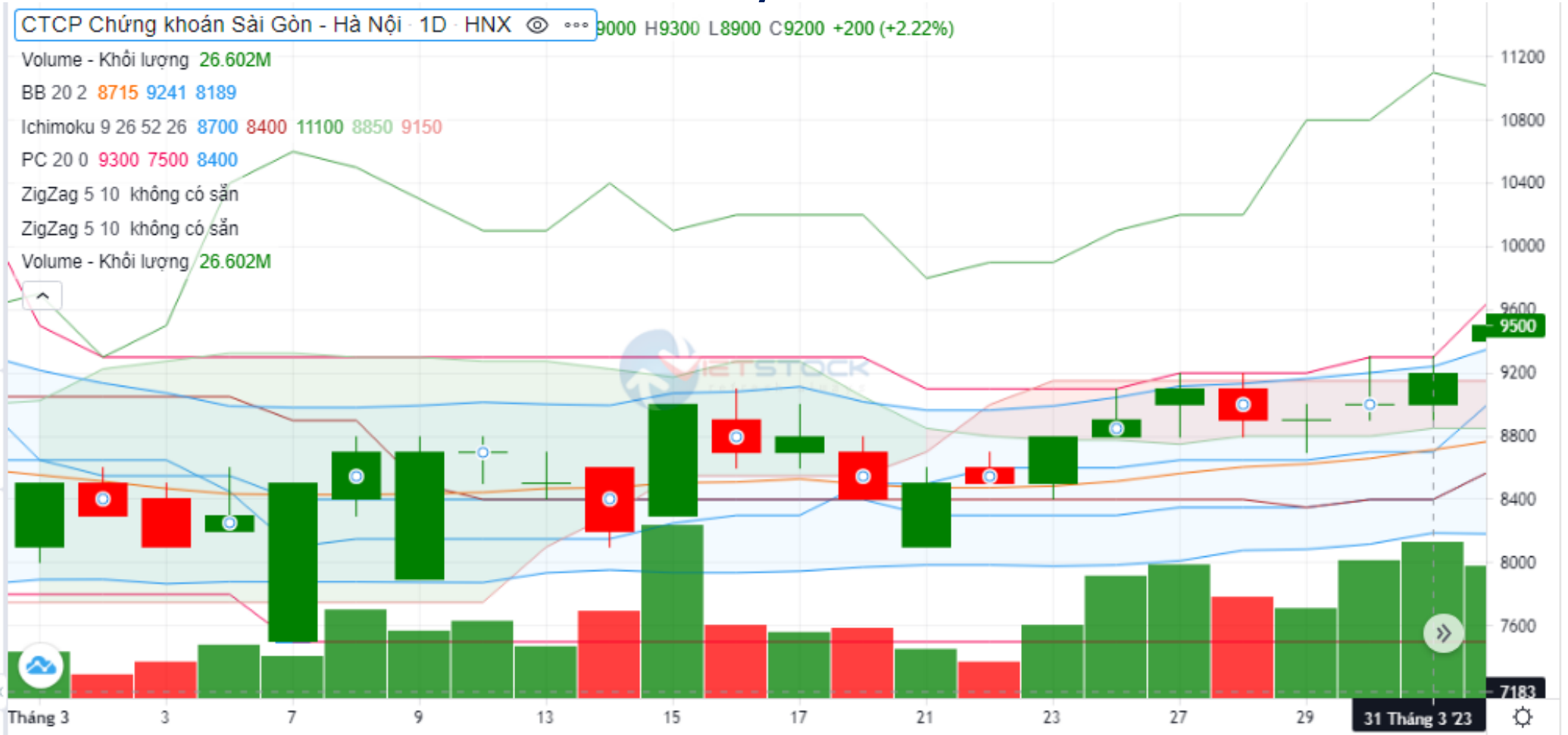
3,768,956 cp (02/03/2023)-



Biến cơ hội thành giá trị

BIẾN ĐỘNG CỦA CỔ PHIẾU SHS

THÁNG 3/2023





Biến cơ hội thành giá trị

SHS CÔNG BỐ THÔNG TIN

THÁNG 6-7/2023

Thời gian	Nội dung	Đường dẫn
02/3/2023	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh	https://www.shs.com.vn/News/202332/1011662/shs-cbtt-giay-chung-nhan-du-dieu-kien-kinh-doanh-chung-khoan-phai-sinh.aspx
03/3/2023	Nghị quyết của HĐQT về ngày đăng ký cuối cùng lập Danh sách cổ đông và tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	https://www.shs.com.vn/News/202333/1011664/nghi-quyet-cua-hdqt-ve-ngay-dang-ky-cuoi-cung-lap-danh-sach-co-dong-va-to-chuc-cuoc-hop-dhdcd-thuong-nien-nam-2023.aspx
14/3/2023	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông đối với cổ phiếu SHS của Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	Thông tin công bố (hnx.vn) https://www.hnx.vn/thong-tin-cong-bo-ny-tcph.html
16/3/2023	Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 3.252.650.270.000đ lên 6.505.300.540.000đ đã được kiểm toán	https://www.shs.com.vn/News/2023316/1011679/bao-cao-tinh-hinh-su-dung-von-thu-duoc-tu-dot-phat-hanh-co-phieu-tang-von-dieu-le-tu-3-252-650-270-000d-len-6-505-300-540-000d-da-duoc-kiem-toan.aspx



Biến cơ hội thành giá trị

SHS CÔNG BỐ THÔNG TIN

THÁNG 6-7/2023

Thời gian	Nội dung	Đường dẫn
22/3/2023	SHS cung cấp dịch vụ tư vấn phương án thoái vốn cho Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVM)	https://www.shs.com.vn/News/2023322/1011684/shs-cung-cap-dich-vu-tu-van-phuong-an-thoai-von-cho-cong-ty-co-phan-may-thiet-bi-dau-khi-pvm.aspx
27/3/2023	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2022 đã được kiểm toán	https://www.shs.com.vn/News/2023327/1011688/shs-cbtt-bao-cao-ty-le-an-toan-tai-chinh-nam-2022-da-duoc-kiem-toan.aspx
27/3/2023	Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán	https://www.shs.com.vn/News/2023327/1011690/cbtt-bao-cao-tai-chinh-nam-2022-da-duoc-kiem-toan.aspx



KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I/2023

Biến cơ hội thành giá trị

Nguồn: <https://www.shs.com.vn/News/2023420/1011728/shs-cong-bo-thong-tin-bao-cao-tai-chinh-quy-1-2023.aspx>

Chỉ tiêu	Quý I/2023	Quý I/2022	+/- (%)
Doanh thu hoạt động	677,1	685,1	-1,2%
<i>Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</i>	501,5	315,5	59%
<i>Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	6,4	0,0	
<i>Lãi từ các khoản cho vay và phải thu</i>	113,1	186,0	-39%
<i>Doanh thu môi giới chứng khoán</i>	33,5	136,1	-75%
<i>Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán</i>	17,8	12,2	46%
<i>Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán</i>	0,4	5,1	-92%
<i>Doanh thu lưu ký chứng khoán</i>	3,9	6,3	-39%
<i>Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính</i>	0,4	24,4	-98%
<i>Thu nhập hoạt động khác</i>	0,11	0,07	55%
Chi phí hoạt động	573,2	210,5	172%
<i>Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)</i>	525,0	98,3	434%
Lợi nhuận trước thuế	51,2	410,9	-88%
Lợi nhuận sau thuế	40,9	329,3	-88%

Doanh thu 678,5 tỷ đồng (giảm 1% so với cùng kỳ), Lãi từ các khoản cho vay và phải thu là 113,1 tỷ đồng (giảm 39%). Doanh thu môi giới chứng khoán, doanh thu lưu ký chứng khoán và doanh thu hoạt động tư vấn tài chính giảm lần lượt 75%, 38% và 98% so với quý I/2022.

Lãi từ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) tăng 58,9% lên 501 tỷ đồng, thu nhập hoạt động khác 110 triệu đồng (tăng 54,6%). Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) là 6,37 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 50% lên gần 1,37 tỷ đồng.

Tổng chi phí tăng 128%, chi phí hoạt động tăng 172%, lên 573,2 tỷ đồng.

Chi phí quản lý là 32,1 tỷ đồng (tăng 95%). Chi phí tài chính giảm còn 22 tỷ đồng và không ghi nhận chi phí khác (giảm 100%).

Lợi nhuận trước thuế giảm 88% xuống còn 51 tỷ đồng. LNST là 40,9 tỷ đồng.

SHS thực hiện được gần 35% kế hoạch doanh thu (kế hoạch: 1.942 tỷ đồng) và gần 5% mục tiêu LNTT (KH: 1.103 tỷ).

Tổng giá trị tài sản tăng 178 tỷ lên hơn 11.068 tỷ đồng, chủ yếu đến từ tăng các tài sản ngắn hạn. Các khoản cho vay margin đạt hơn 2.656 tỷ đồng, tăng 15,8% so với thời điểm đầu năm.



KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I/2023

Biến cơ hội thành giá trị

Nguồn: <https://www.shs.com.vn/News/2023420/1011728/shs-cong-bo-thong-tin-bao-cao-tai-chinh-quy-1-2023.aspx>

Danh mục tài sản tài chính FVTPL và tài sản sẵn sàng để bán (AFS) có giá trị gần 5.036 tỷ đồng.

Các tài sản FVTPL trị giá hơn 4.360 tỷ đồng, với 2.227 tỷ đồng đầu tư vào cổ phiếu (chiếm tỷ trọng lớn là EIB, GEE, SAF) và 2.134 tỷ đồng Trái phiếu.

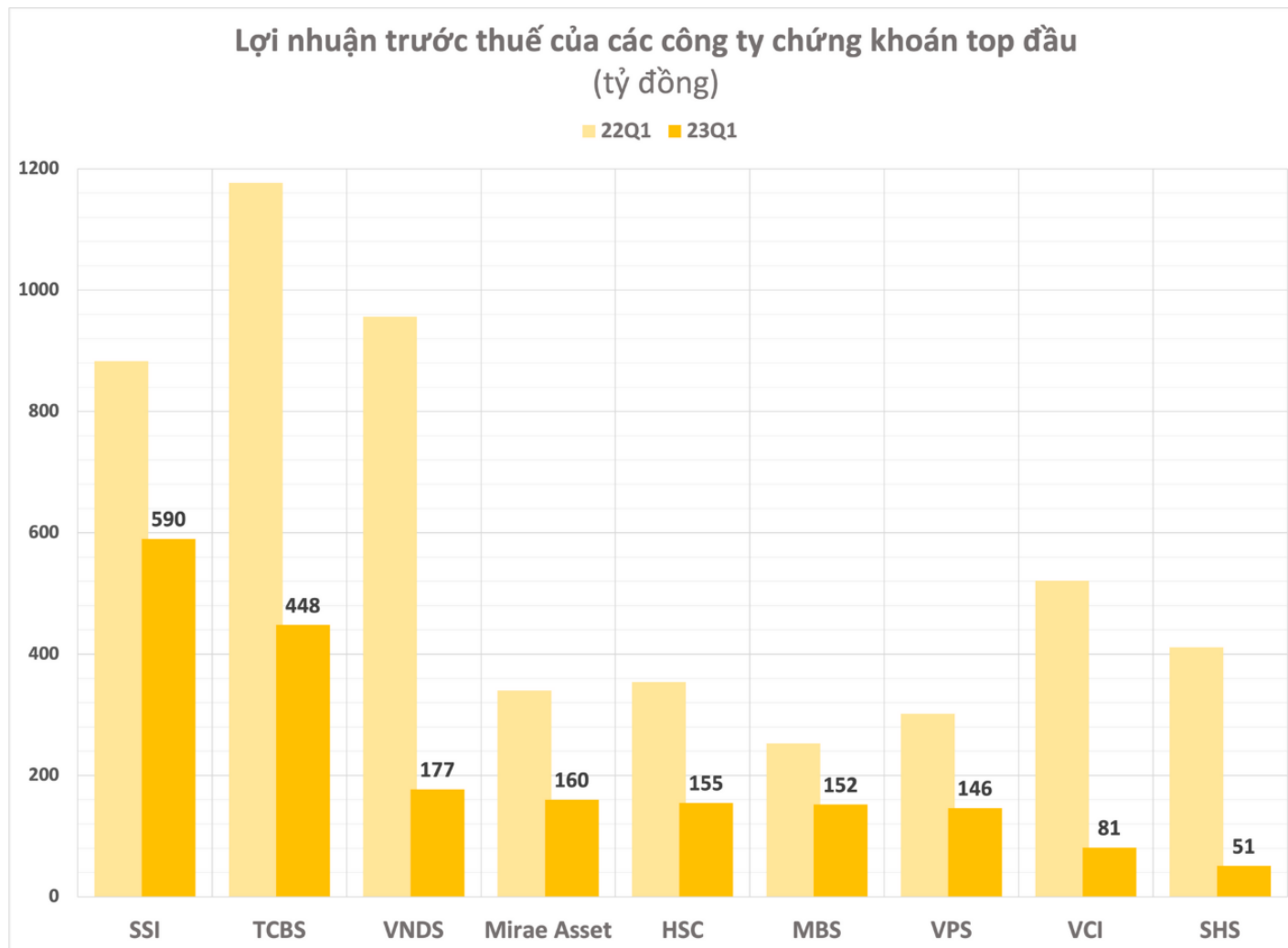
Danh mục AFS trị giá hơn 675 tỷ đồng, với 3 cổ phiếu nắm giữ là SHB, BCG và TCD.

Các loại tài sản tài chính	Tại ngày 31/03/2023				
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
B	1	2	3	4	5
FVTPL	4,360,389,787,928	4,483,810,908,078	271,068,261,563	(147,647,141,413)	4,483,810,908,078
Cổ phiếu	2,226,537,424,196	2,344,063,364,258	263,359,981,242	(145,834,041,180)	2,344,063,364,258
EIB	421,789,454,939	403,478,012,700	-	(18,311,442,239)	403,478,012,700
GEE	138,750,000,000	142,080,000,000	3,330,000,000	-	142,080,000,000
SAF	125,312,500,000	143,959,000,000	18,646,500,000	-	143,959,000,000
Các cổ phiếu khác	1,540,685,469,257	1,654,546,351,558	241,383,481,242	(127,522,598,941)	1,654,546,351,558
Trái phiếu	2,133,852,363,732	2,139,747,543,820	7,708,280,321	(1,813,100,233)	2,139,747,543,820
AFS	675,238,748,169	611,721,669,750	212,927,921,581	(276,445,000,000)	611,721,669,750
Cổ phiếu	675,238,748,169	611,721,669,750	212,927,921,581	(276,445,000,000)	611,721,669,750
SHB	275,238,748,169	488,166,669,750	212,927,921,581	-	488,166,669,750
BCG	200,000,000,000	66,255,000,000	-	(133,745,000,000)	66,255,000,000
TCD	200,000,000,000	57,300,000,000	-	(142,700,000,000)	57,300,000,000
Cộng	5,035,628,536,097	5,095,532,577,828	483,996,183,144	(424,092,141,413)	5,095,532,577,828



KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I/2023

Biến cơ hội thành giá trị **Nguồn:** <https://cafef.vn/loat-ten-tuoi-nganh-chung-khoan-sut-giam-manh-loi-nhuan-trong-quy-1-hau-het-deu-tren-50-18823042100414416.chn>





KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I/2023

Biến cơ hội thành giá trị Nguồn: <https://cafef.vn/loat-ten-tuoi-nganh-chung-khoan-sut-giam-manh-loi-nhuan-trong-quy-1-hau-het-deu-tren-50-18823042100414416.chn>

Doanh thu, LNST những năm gần đây của Chứng khoán SHS





TÓM TẮT

- VN-INDEX giảm điểm và đóng cửa cuối tháng 2 tại 1.024,68 điểm giảm 7,78% so với tháng 1 và tăng 1,74% so với cuối năm 2022, HNX-Index là 202,38 điểm (-9,01% MoM và -1,43% YTD), Upcom là 76,44 điểm (+0,79% MoM và +6,68% YTD) chủ yếu do chịu tác động bởi FED tăng lãi suất và diễn biến thị trường trái phiếu khi nhiều doanh nghiệp xin gia hạn thanh toán trái phiếu đến hạn. Nhóm cổ phiếu trong VN-30 chịu áp lực bán và nhiều mã giảm mạnh như VHM, MSN, nhóm cổ phiếu ngân hàng...trong khi chỉ số Smallcap giảm điểm ít hơn thị trường chung nhờ có dòng tiền từ nhóm nhà đầu tư cá nhân gia tăng.
- Thanh khoản thị trường giảm nhẹ 3,6% trong tháng 02/2023 chủ yếu do giao dịch tại HOSE giảm 4,98% trong khi tại sàn HNX và Upcom lần lượt tăng 4,46% và 3,63%. Trái ngược với 3 tháng mua ròng trước đó, nhà đầu tư tổ chức quay sang bán ròng trong tháng 2, nhà đầu tư cá nhân lại là nhóm mua ròng. Tính chung 2 tháng đầu năm, giá trị giao dịch trung bình toàn thị trường chỉ đạt 11.900 tỷ đồng/phiên, giảm mạnh tới 60,5% so với cùng kỳ năm 2022.
- Khối ngoại bán ròng 262,7 tỷ đồng trong tháng 2 chủ yếu tại HOSE (-639,3 tỷ đồng) trong khi tiếp tục mua ròng tháng thứ 4 liên tiếp tại HNX và Upcom. Dòng tiền hút ròng từ các quỹ ETF vào Việt Nam vẫn duy trì khá tốt trong tháng 2 mặc dù có dấu hiệu giảm so với tháng 1, một số quỹ quay sang bán ròng như DCVFMVN30 ETF (-2,4 triệu USD), KIM Growth (-2,7 triệu USD).
- Các chỉ số vĩ mô nhìn chung ổn định trong tháng 2 khi PMI đã quay trở lại trên mốc 50 điểm sau 3 tháng suy giảm, xuất khẩu tăng trở lại và cán cân thương mại duy trì thặng dư. Mặt bằng lãi suất huy động tại cuối tháng 2 giảm 0,3% so với cuối tháng 1 và có xu hướng tiếp tục giảm trong tháng 3 qua đó giúp các NHTM đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng. Tín dụng toàn hệ thống 2 tháng đầu năm 2023 tăng 0,77%, nhiều ngân hàng đã được cấp chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng lần 1, trung bình khoảng 9,5%.
- Chúng tôi dự đoán thị trường có thể sẽ đi ngang và giằng co trong tháng 3 với biên độ trong khoảng 1.015 điểm - 1.095 điểm. Trong tháng 3 một số sự kiện đáng lưu ý là các quỹ ETF như FTSE Vietnam Swap, VanEck Vietnam, Fubon sẽ tiến hành tái cơ cấu danh mục và FED sẽ có cuộc họp chính sách vào ngày 22/3.



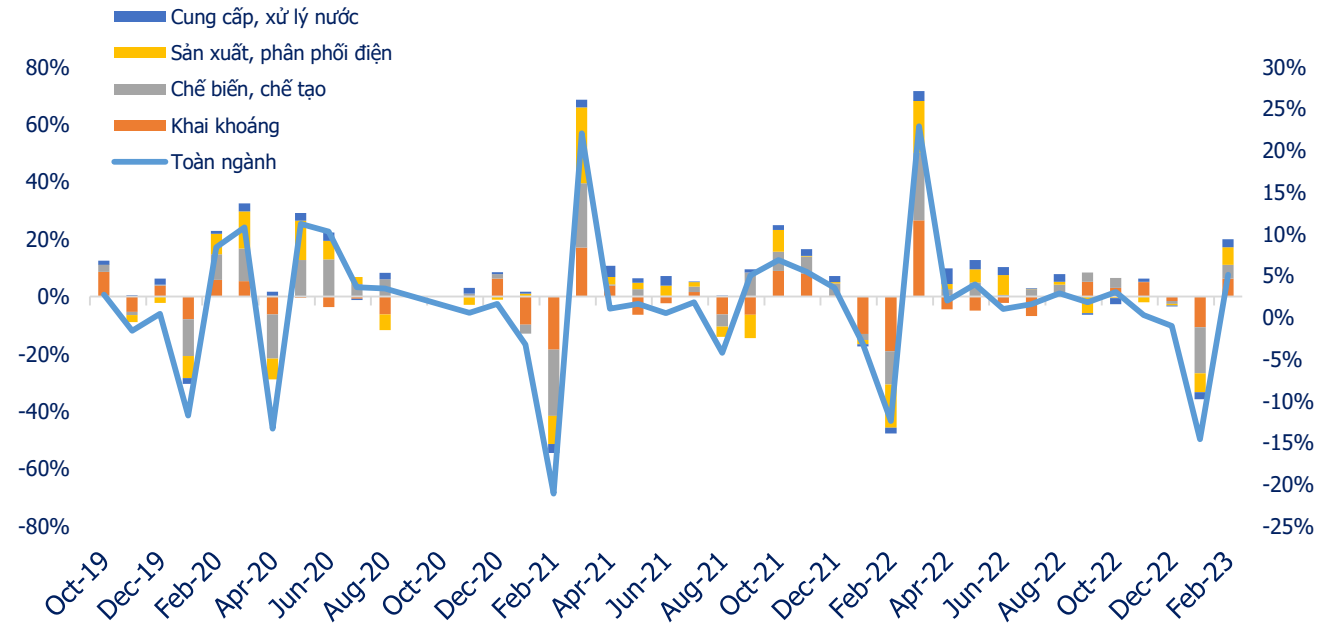
KINH TẾ VĨ MÔ NĂM THÁNG 2/2023

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 2 tăng 5,1% MoM và tăng 3,6% YoY do số ngày làm việc nhiều hơn. Tuy nhiên tính chung 2 tháng đầu năm, IIP lại giảm 6,3% so với cùng kỳ do các đơn hàng và kim ngạch xuất khẩu giảm. Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm mạnh nhất với 6,9%, đóng góp vào mức giảm chung 5,3%.

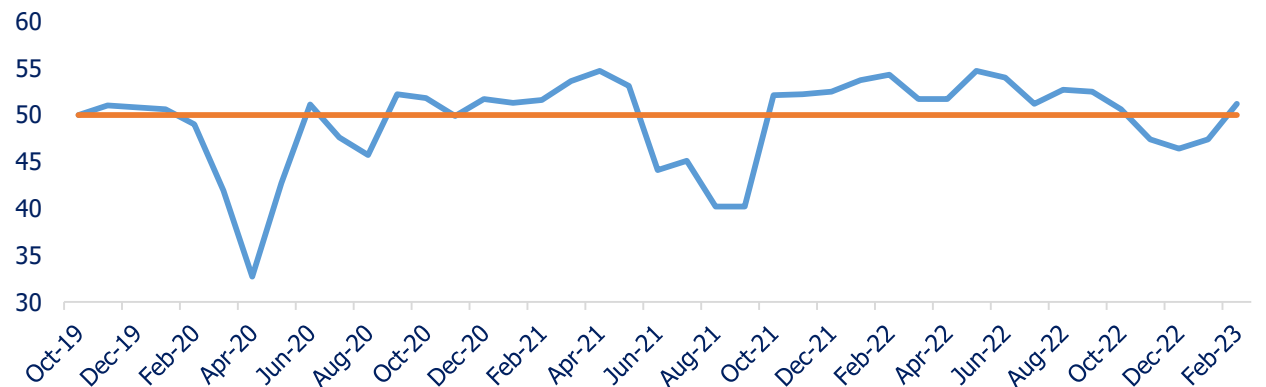
PMI tháng 02 đạt 51,2 điểm – kết thúc chuỗi giảm kéo dài 3 tháng khi số lượng đơn đặt hàng mới, sản lượng, việc làm và hoạt động mua hàng đều có xu hướng tăng trở lại. Điều này cho thấy sức khỏe ngành sản xuất đã bắt đầu cải thiện sau thời kỳ suy giảm kéo dài:

- Sự cải thiện của nhu cầu thị trường là nhân tố giúp các công ty có được khách hàng mới và đơn đặt hàng mới tăng. Hơn nữa, mức tăng số lượng đơn đặt hàng mới là mạnh nhất kể từ tháng 8 năm ngoái.
- Cả việc làm và hoạt động mua hàng đều tăng lần đầu trong vòng bốn tháng dù mức tăng chỉ là nhẹ, giúp các công ty giải quyết tốt lượng công việc cần thực hiện.
- Tuy nhiên, tốc độ tăng chi phí đầu vào đã nhanh hơn tháng thứ sáu liên tiếp và đạt mức cao nhất kể từ tháng 6/2022 do giá của nhà cung cấp tăng và tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (%MoM)



Chỉ số PMI



Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp

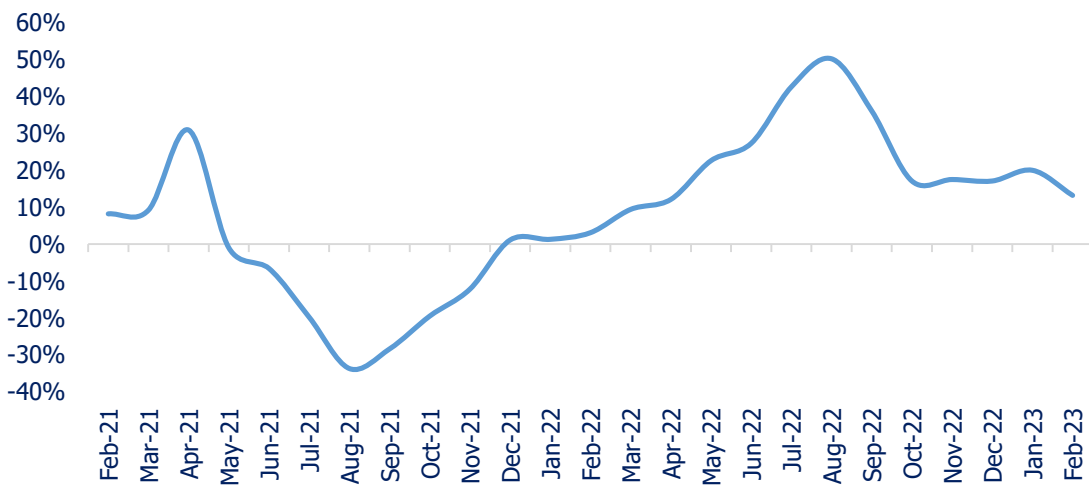


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2/2023

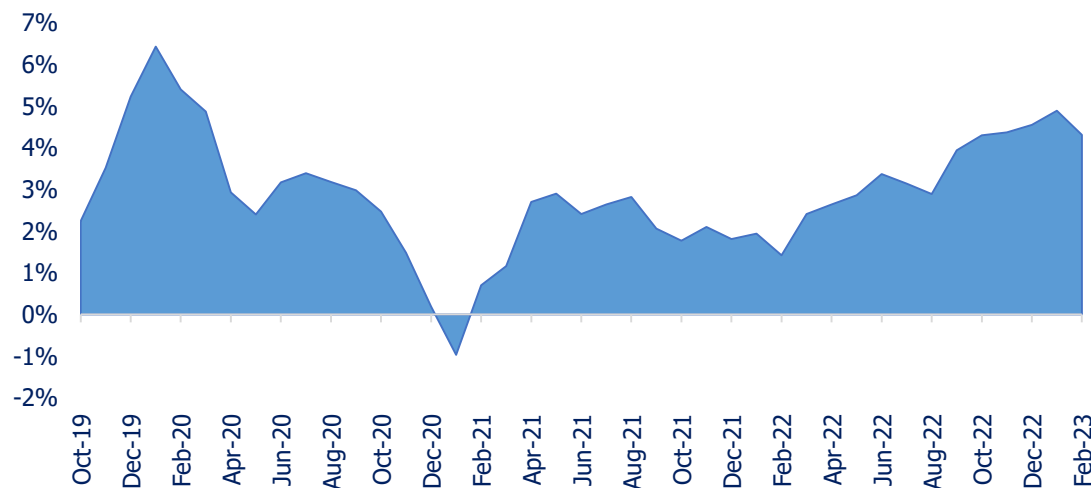
Sức mua trở lại bình thường sau dịp Tết. Theo đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 02/2023 giảm 6% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước, ước đạt 481,8 nghìn tỷ đồng. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 10,1% yoy; nhóm dịch vụ lưu trú ăn uống tăng 31,6% yoy, doanh thu du lịch lữ hành gấp 2,2 lần cùng kỳ do nhiều địa phương tổ chức các hoạt động khai xuân thu hút khách du lịch. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 994,2 nghìn tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,2%.

CPI tháng 02 tăng 0,45% so với tháng trước do ảnh hưởng mạnh từ nhóm giao thông và nhà ở & VLXD. Nhóm giao thông có mức tăng cao nhất (+2,11%) chủ yếu do giá xăng, dầu tăng 5,66%, do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu vào ngày 13/02/2023 và 21/02/2023. Trong khi đó, nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1.81% do giá gas tăng 14.56%, từ ngày 01/02/2023, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 63,000 đồng/bình 12 kg. So với tháng 12/2022, CPI tháng 02 tăng 0,97% và so với cùng kỳ 2022 tăng 4,31%.

Tăng trưởng bán lẻ



CPI (YoY)



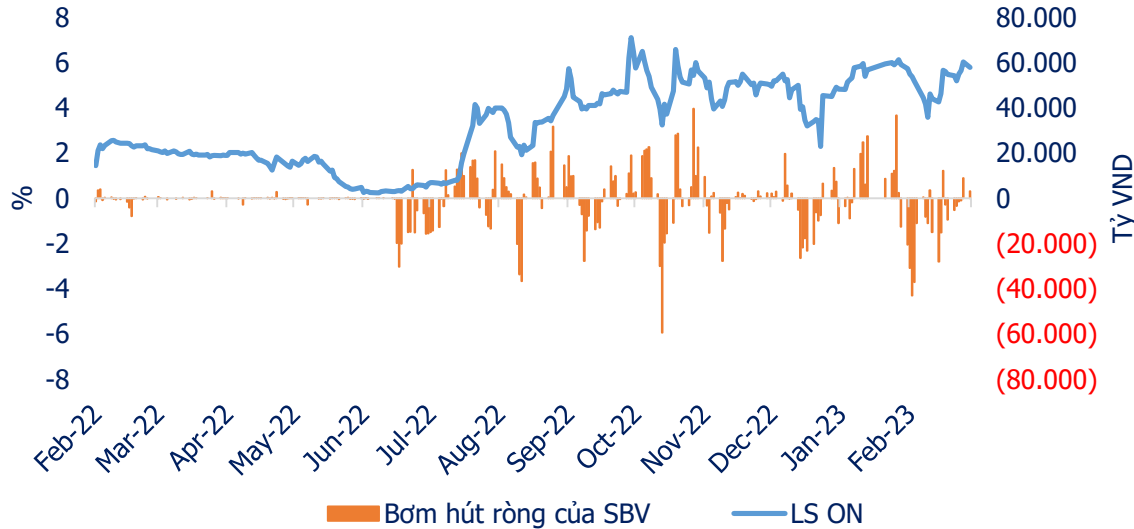
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



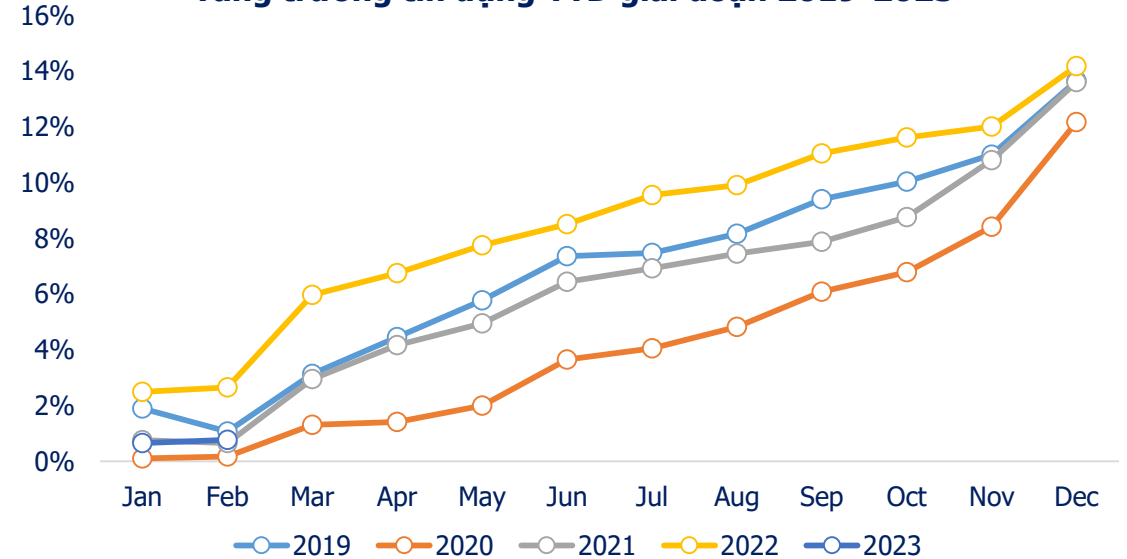
Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2/2023

Lãi suất liên ngân hàng ON và bơm hút ròng của SBV qua OMO



Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2023



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

Hai tháng đầu năm 2023, tín dụng toàn nền kinh tế tăng 0,77% (91.000 tỷ đồng), thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ 2022 (+2,65%) và tương đương mức tăng thấp của năm 2021 khi nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19.

Thanh khoản toàn hệ thống dư thừa do tín dụng tăng chậm khiến NHNN liên tiếp hút ròng qua kênh OMO, lãi suất duy trì ở mức 6%. Tại thời điểm cuối tháng 2, NHNN đang hút ròng 137.500 tỷ đồng, giữ lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm ở mức 5,2%, duy trì mức chênh lệch dương đối với lãi suất FED Fund Rate.

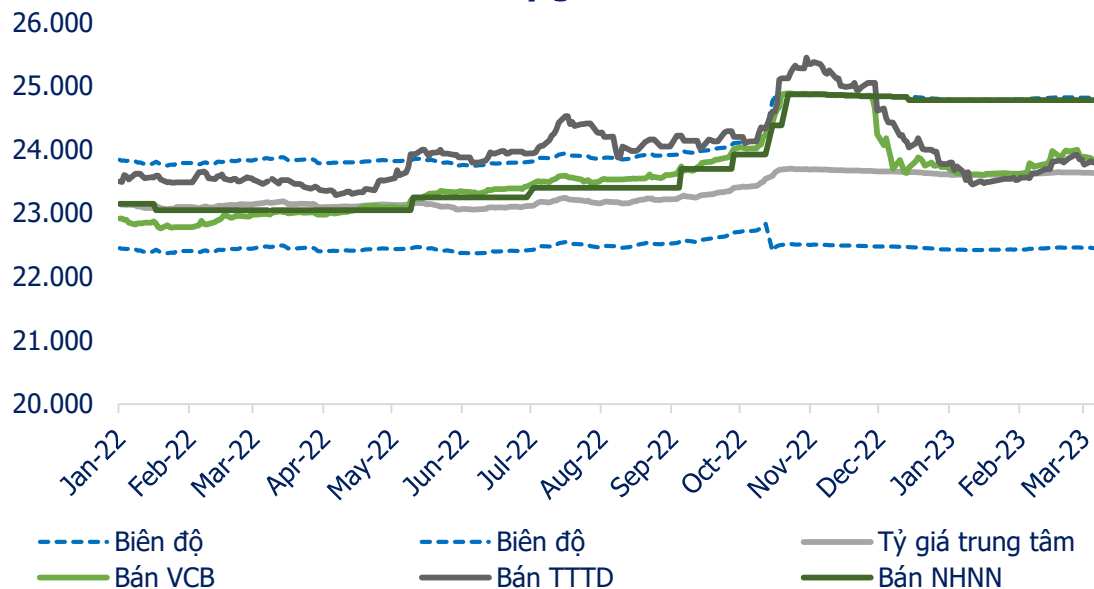
Lãi suất huy động toàn hệ thống có xu hướng giảm. Tại cuối tháng 2, lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng nhóm NHTMCP tư nhân đang áp dụng khoảng 8,3%, giảm 0,3% so với cuối tháng 1. Từ ngày 06/3/2023, các NHTM đã đồng thuận giảm từ 0,2% đến 0,5%/năm đối với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6 - 12 tháng. Lãi suất đầu vào giảm sẽ giúp các NHTM có điều kiện giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế. Năm 2023, NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 14% - 15%, tương đương 1,67 triệu tỷ đồng - 1,79 triệu tỷ đồng có thể được cung ứng ra nền kinh tế. Cuối tháng 2/2023, NHNN đã thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 đến từng ngân hàng, trung bình cấp chỉ tiêu tín dụng khoảng 9,5%.



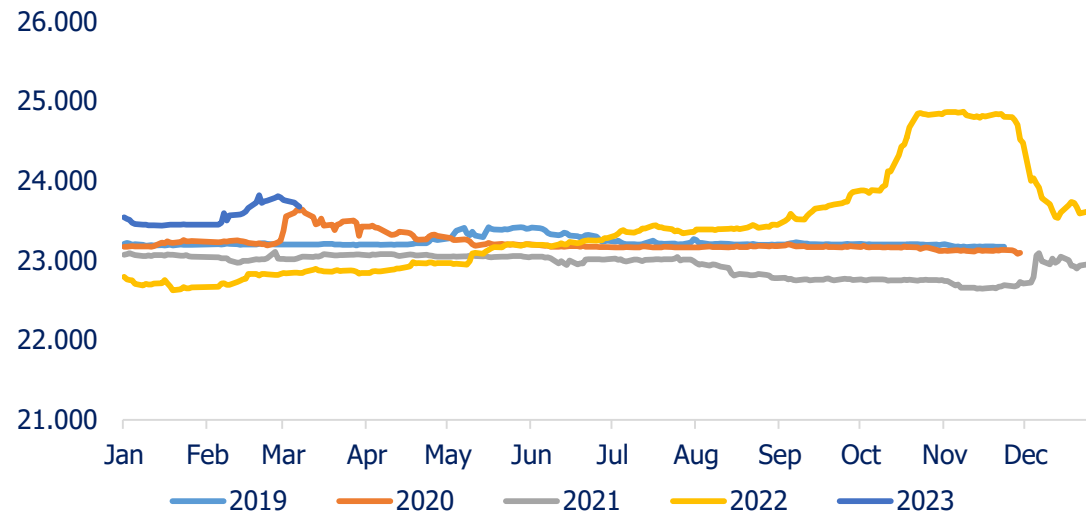
Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2/2023

Diễn biến tỷ giá VND/USD



Diễn biến tỷ giá USD/VND



Nguồn: FiinGroup, Bloomberg, SHS tổng hợp

Áp lực tỷ giá đồng VND tăng trong tháng 2 khi đồng USD mạnh lên do số liệu về lạm phát tháng 01 của Mỹ tăng cao hơn dự báo. Thị trường đang kỳ vọng FED có thể sẽ thắt chặt CSTT mạnh tay hơn trong tháng 3, so với mức tăng nhẹ lãi suất 0,25% trong tháng 2. Đồng VND giảm giá 1,5% so với đồng USD trong tháng 2, sau diễn biến tăng giá nhẹ 0,8% trong tháng 1. Tính chung 2 tháng đầu năm, đồng VND đang giảm giá nhẹ 0,7%. Tỷ giá trên thị trường tự do khá tương đương với giá bán USD của Ngân hàng thương mại và cao hơn khoảng 1% so với tỷ giá trung tâm do NHNN công bố.

NHNN tiếp tục mua vào ngoại tệ trong tháng 2, giá trị ước tính đạt 0,65 tỷ USD, nâng tổng lượng mua vào 2 tháng đầu năm khoảng 3,4 tỷ USD nhằm tăng dự trữ ngoại hối.

Áp lực tỷ giá đôi với đồng VND được đánh giá ở mức trung bình thấp khi dự kiến dòng vốn FII vào Việt Nam tiếp tục xu hướng cải thiện. Trong 2 tháng đầu năm, khoản vốn nước ngoài vào Việt Nam qua góp vốn mua cổ phần là 800 triệu USD.



Biến cơ hội thành giá trị

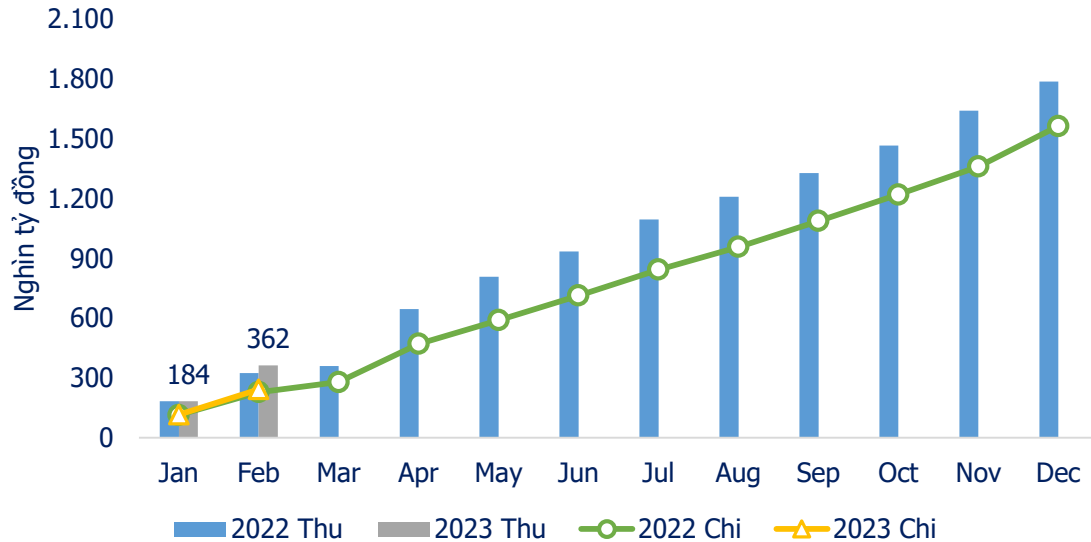
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2/2023

Trong 2 tháng đầu năm 2023, thu NSNN đạt 362,3 nghìn tỷ đồng, bằng 22,4% dự toán năm, tăng 10,6% YoY, chi NSNN 242 nghìn tỷ đồng, bằng 11,7% dự toán năm, tăng 6% YoY.

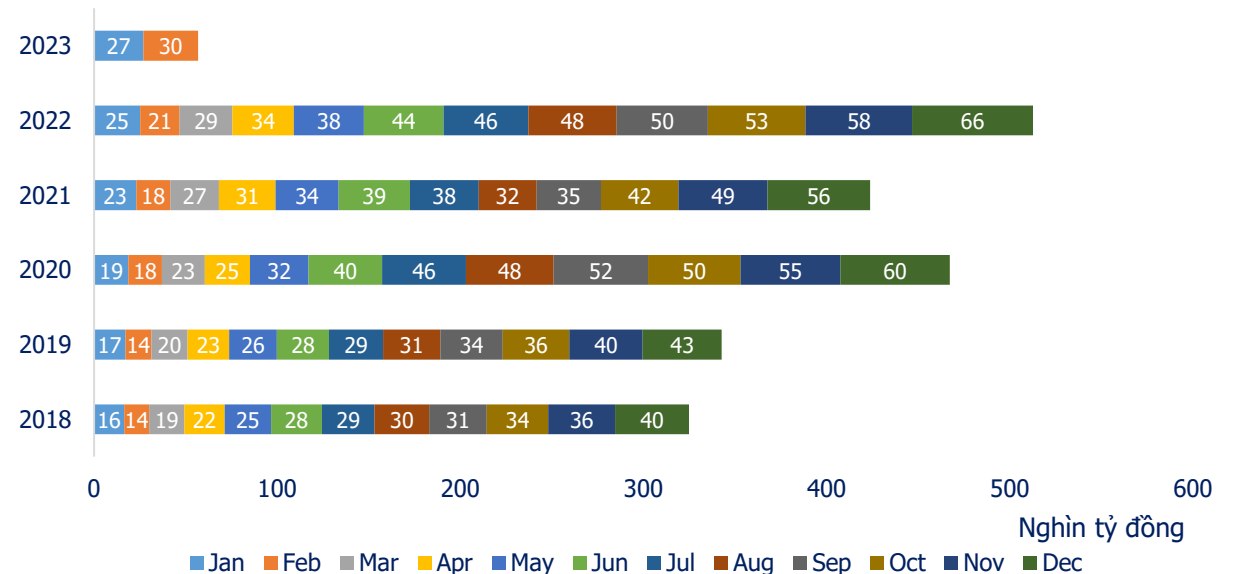
Kế hoạch đầu tư công nguồn NSNN năm 2023 do Quốc hội giao là trên 764 nghìn tỷ đồng, đến ngày 31/1/2023, tổng số vốn đã phân bổ là 638.613,081 tỷ đồng, đạt 90,32% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ đã giao (707.044,198 tỷ đồng). Theo báo cáo từ Bộ Tài chính, ước tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công trong 2 tháng đầu năm đạt 6,55% (khoảng 49.247 tỷ đồng) kế hoạch vốn giao. Ngay từ đầu năm, 12 dự án thành phần đường cao tốc Bắc Nam giai đoạn 2 với chiều dài 729km, vốn đầu tư gần 167 nghìn tỷ đồng đã được Chính phủ đồng loạt khởi công. Dự án sân bay Long Thành chủ đầu tư ACV mới đây đã xin điều chỉnh thời gian thực hiện gói thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị nhà ga hành khách (35.000 tỷ đồng) thêm 6 tháng để tạo điều kiện cho các nhà thầu trong lần mở thầu thứ 2.

Tình hình thu chi NSNN năm 2022-2023

Số liệu YTD



Đầu tư công từ NSNN hàng tháng



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp



KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2/2023

Vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng

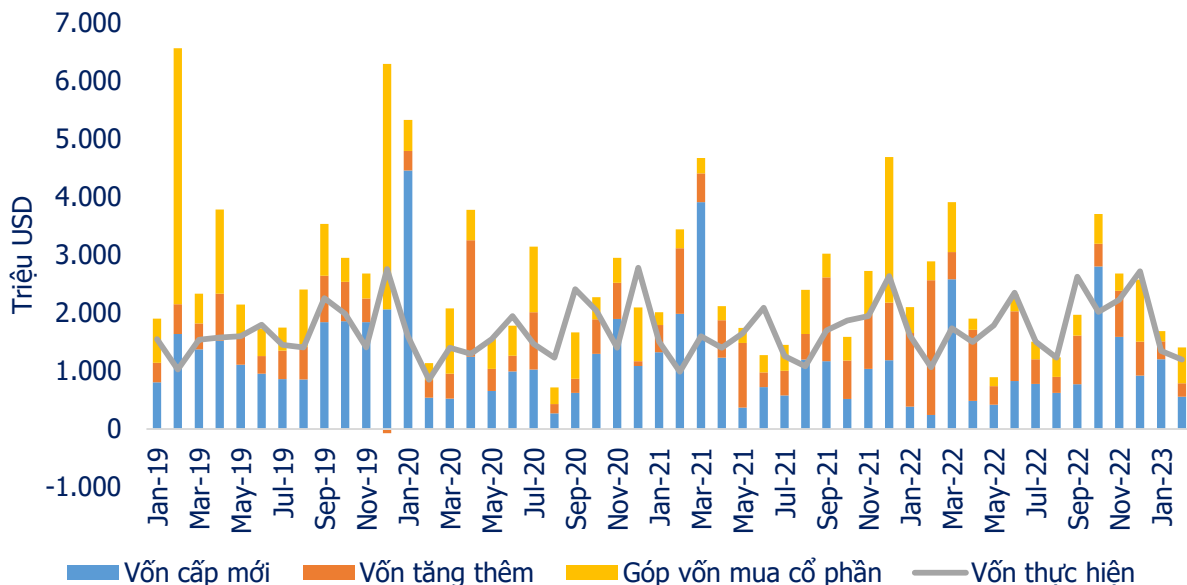
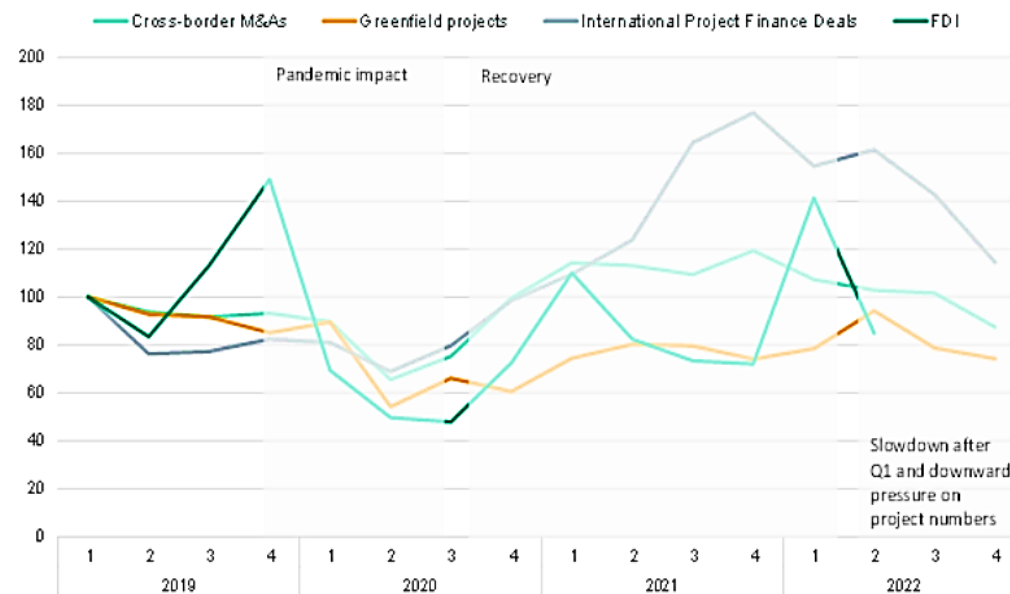


Figure 1. Investment trends, 2019 – 2022 (Indexed, 2019: Q1=100)



Nguồn: FiinGroup, Bloomberg, SHS tổng hợp

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/02/2023 đạt 3,1 tỷ USD, giảm 38% YoY, trong đó vốn cấp mới đạt 1,76 tỷ USD, tăng 179%, vốn tăng thêm đạt 0,53 tỷ USD, giảm mạnh 85%, góp vốn mua cổ phần đạt 0,8 tỷ USD, tăng nhẹ 4% YoY. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam hai tháng đầu năm 2023 ước đạt 2,55 tỷ USD, giảm 4,9% YoY. Việc vốn cấp mới tăng trưởng khá mạnh so với cùng kỳ vẫn thể hiện đánh giá tích cực của Nhà đầu tư nước ngoài vào triển vọng kinh tế Việt Nam. Dự án tiêu biểu trong 2 tháng đầu năm là dự án Nhà máy công nghệ chính xác Fulian (Singapore), vốn đăng ký 621 triệu USD, với mục tiêu sản xuất linh kiện điện tử, máy vi tính.

Theo UNCTAD, những bất ổn trên phạm vi toàn cầu gồm cuộc chiến ở Ukraine, xu hướng tăng lãi suất ở hầu hết các Quốc gia để kiểm soát lạm phát đã làm dòng vốn FDI toàn cầu đảo chiều giảm mạnh từ Q1.2022. Dòng vốn đầu tư toàn cầu dự báo tiếp tục khó khăn trong nửa đầu năm 2023, trước khi phục hồi dần vào nửa cuối năm, khi các điều kiện kinh tế được cải thiện. Theo WB, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 dự báo đạt 1,7%, từ mức 3,4% của năm 2022, với tốc độ tăng trưởng chậm lại tại hầu hết những nền kinh tế phát triển, trong đó, kinh tế Mỹ có thể chỉ tăng trưởng 0,5%.



Biến cơ hội thành giá trị

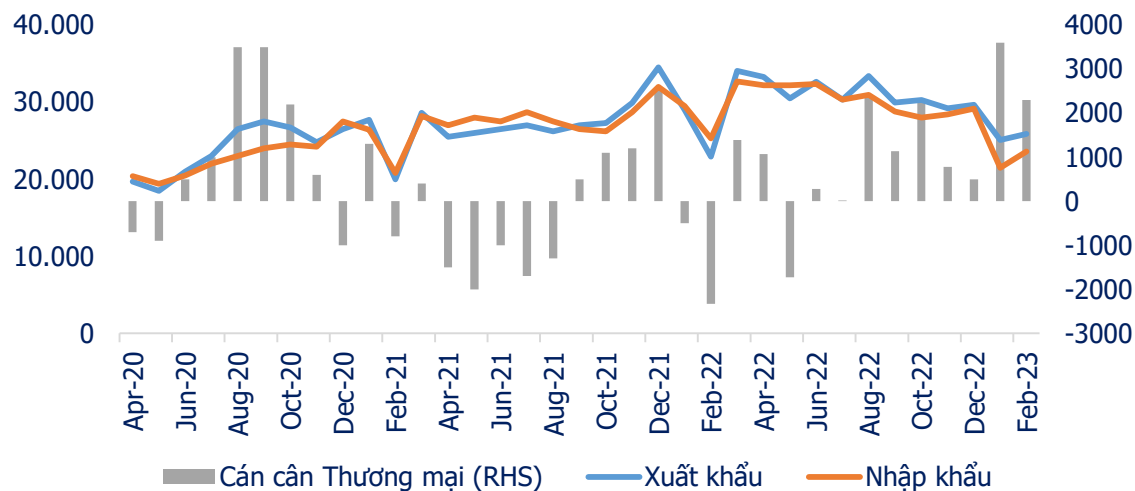
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2/2023

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 02/2023 ước đạt 25,88 tỷ USD, tăng 9,8% MoM và tăng 11% YoY. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 49,44 tỷ USD, giảm 10,4% YoY. Các mặt hàng chủ lực của Việt Nam gồm dệt may giảm 20%, giày dép giảm 16%, thủy sản giảm mạnh 33%, gỗ giảm 35%, điện tử máy tính linh kiện giảm 14%, máy móc thiết bị giảm 2% YoY. Ở chiều ngược lại, mặt hàng điện thoại và linh kiện, phương tiện vận tải có kim ngạch tăng 7% YoY.

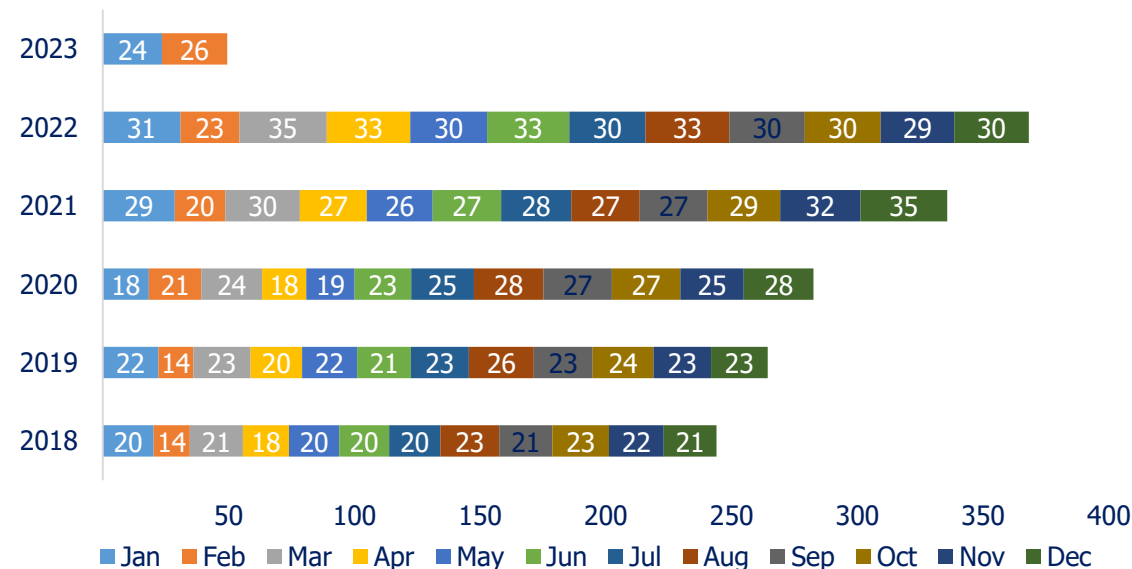
Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 02/2023 ước đạt 23,58 tỷ USD, tăng 2,3% MoM, giảm 6,7% YoY. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 46,62 tỷ USD, giảm 16% YoY. Trong đó kim ngạch nhập khẩu mặt hàng tư liệu sản xuất gồm điện tử, máy tính, linh kiện giảm 8,3%, máy móc thiết bị giảm 22%, sắt thép giảm 45%, vải giảm 30%, điện thoại và linh kiện giảm 62%, chất dẻo giảm 35%, hóa chất giảm 30%.

Kết quả này phản ánh sức tiêu thụ giảm sút tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam. Nhập khẩu giảm mạnh hơn xuất khẩu khiến cán cân thương mại hàng hóa tháng Hai ước tính xuất siêu 2,3 tỷ USD. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 2,82 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 0,3 tỷ USD).

Cán cân Thương mại (Triệu USD)



Kim ngạch xuất khẩu hàng tháng (Tỷ USD)



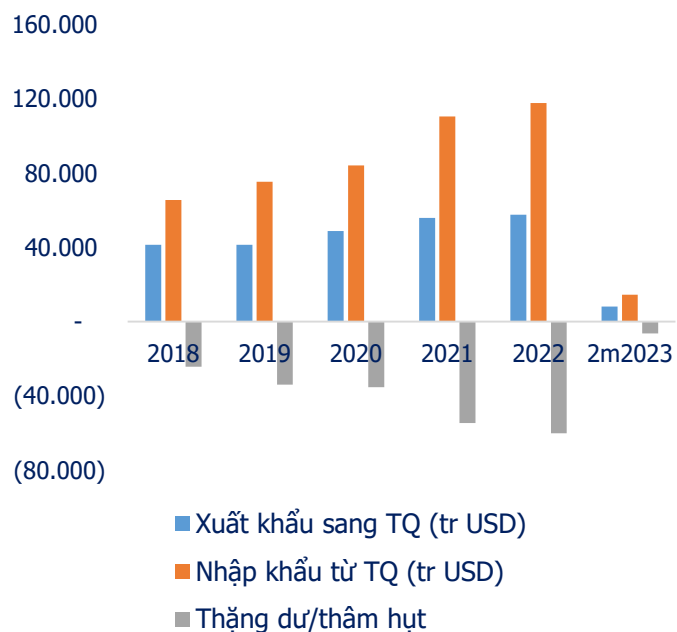
Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp



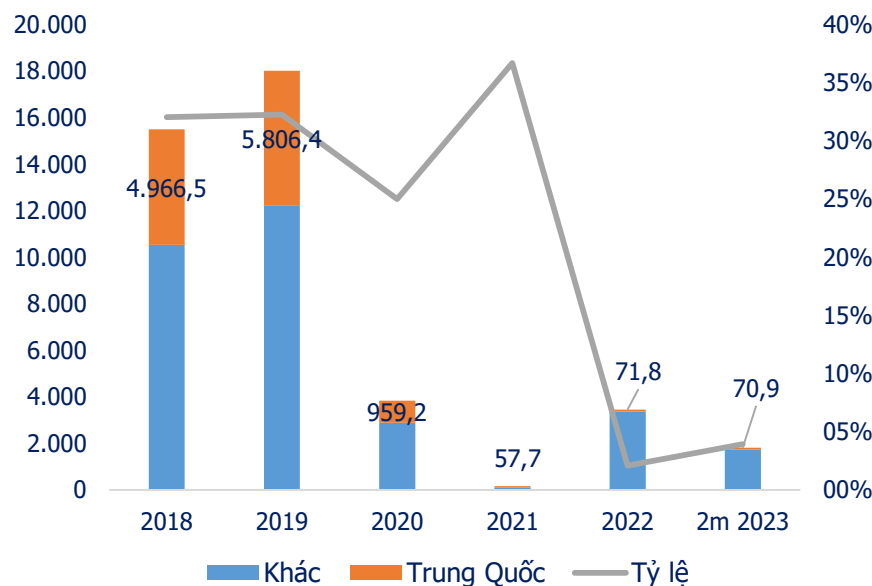
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2/2023

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc 2 tháng đầu năm 2023 ước đạt 22,8 tỷ USD, 19% YoY trong đó xuất khẩu tăng 11% còn nhập khẩu giảm 30%. Dù Trung Quốc chưa cấp phép cho khách du lịch theo đoàn tới Việt Nam nhưng lượng khách từ nước này đạt 70,9 nghìn lượt trong 2 tháng đầu năm 2023, gần tương đương với cả năm 2022 mở ra kỳ vọng đối với ngành du lịch, khách sạn của Việt Nam trong thời gian tới.

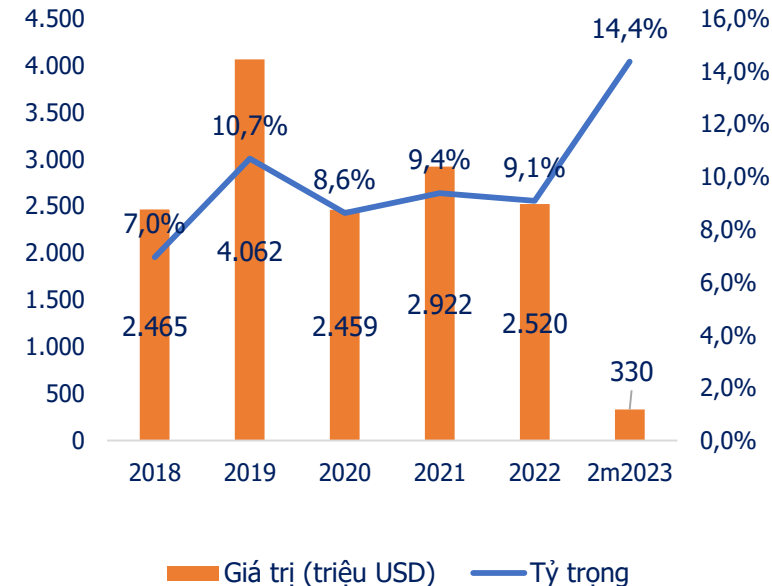
XNK Việt Nam - Trung Quốc



Số lượng khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



FDI từ Trung Quốc



Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp



KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2/2023

Chỉ tiêu	Feb-22	Mar-22	Apr-22	May-22	Jun-22	Jul-22	Aug-22	Sep-22	Oct-22	Nov-22	Dec-22	Jan-23	Feb-23
Chỉ số kinh tế													
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	9.0%	9.0%	9.0%	10.0%	11.50%	11.20%	15.60%	13%	6.30%	3.50%	0.20%	-8%	3.60%
PMI (điểm)	54.30	51.70	51.70	54.70	54.00	51.20	52.7	52.5	50.6	47.4	46.4	47.4	51.2
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	2%	4%	7%	10%	11.70%	16%	19.30%	21%	20.20%	20.50%	19.80%	20%	13%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	7%	8%	8%	8%	8.90%	10.2%	10.50%	16.30%	15.20%	15.09%	13.50%	-16.30%	-4.90%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	-9%	-12%	-12%	-16%	-8.10%	-7.10%	-12.30%	-15.30%	-5.40%	-5.00%	-11%	-19.80%	-38%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	12%	14%	17%	17%	17.30%	16.10%	17.30%	17.30%	15.90%	13.40%	10.60%	-21.30%	-10.40%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	17%	16%	16%	16%	15.50%	13.60%	13.60%	13%	12.20%	10.10%	8.40%	-28.90%	-16%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	-0.58	1.46	2.53	0.52	0.28	0.02	2.42	1.14	2.27	0.78	0.5	0.52	2.30
Ổn định vĩ mô													
Lạm phát (% YoY)	1%	2%	3%	3%	3.37%	3.14%	2.89%	3.94%	4.30%	4.37%	4.55%	4.89%	4.31%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	1%	1%	1%	1.61%	1.98%	1.44%	1.64%	1.88%	2.14%	2.38%	2.59%	5.21%	5.08%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	2.7%	6.0%	6.8%	7.8%	8.5%	9.42%	9.91%	10.54%	11.38%	11.50%	14.50%	0.65%	0.77%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	1.8%	3.5%	3.5%	3.3%	3.78%	3.18%	2.68%	2.49%	3.09%		3.85%		
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4%	4%	4%	4%	4%	4%	4%	5%	6%	6%	6%	6%	6%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	3.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	2.36%	1.90%	1.43%	0.43%	0.74%	3.32%	4.75%	4.73%	5.05%	4.57%	4.55%	5.90%	5.20%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	2.14%	2.31%	2.44%	3.08%	3.41%	3.90%	3.62%	4.97%	5.10%	5.15%	4.95%	4.40%	4.40%
CDS 5 năm	133.12	112.43	138.34	122.98	164.52	143.93	147.78	186.35	162.8	148.55	140.12	125.62	118.37
VND/USD (% MoM)	0.1%	-0.2%	0.1%	0.5%	0.4%	0.3%	0.46%	1.73%	4.09%	-0.60%	-4.30%	-0.80%	1.50%



Biến cơ hội thành giá trị

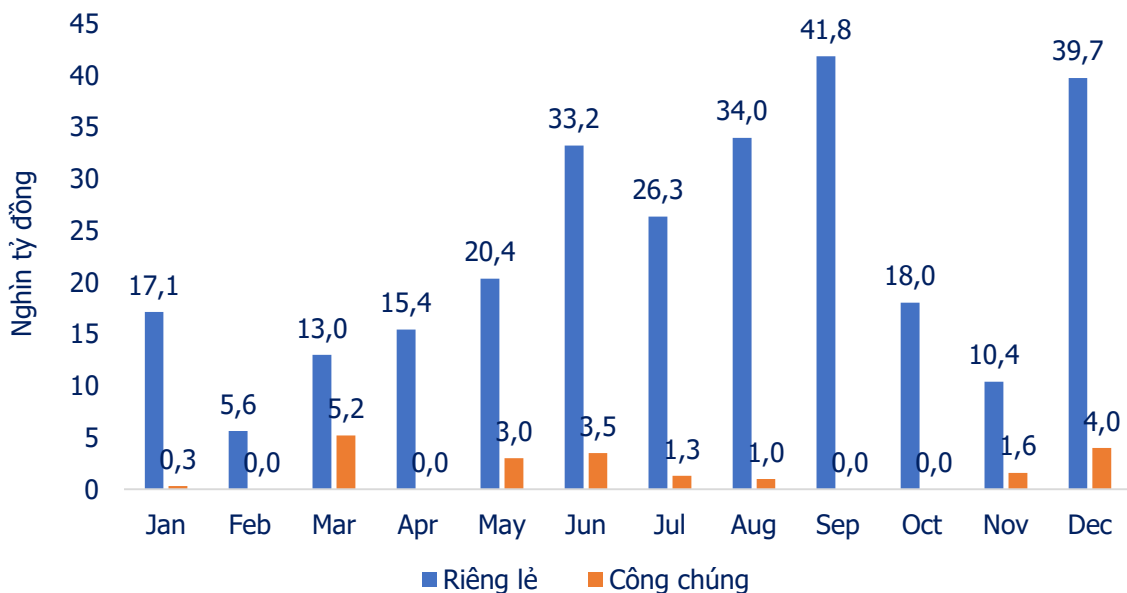
TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 2/2023

Sau diễn biến trầm lắng không có đợt phát hành mới trong tháng đầu năm, đã có **3 đợt phát hành TPDN trị giá 2.000 tỷ đồng trong tháng 2.2023**. Chi tiết gồm 1 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 500 tỷ đồng của CTCP Đầu tư Bất động sản Sơn Kim và 2 đợt phát hành ra công chúng trị giá 1.500 tỷ đồng của CTCP Tập đoàn Masan. Các đợt phát hành này đều có lãi suất thả nổi, với kỳ hạn phát hành từ 2,5 năm đến 5 năm.

Tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại trước hạn trong tháng 2/2023 là 5,94 nghìn tỷ đồng (tăng 34% YoY). Tính từ đầu năm tới nay, tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại đạt hơn 15,3 nghìn tỷ đồng (tăng 43% YoY).

Tổng giá trị trái phiếu đến hạn trong tháng 03/2023 là 17,7 nghìn tỷ đồng, gấp hơn 3 lần so với giá trị đến hạn trong tháng 2/2023. Một số nhóm ngành có giá trị đến hạn lớn như bất động sản (7,69 nghìn tỷ, chiếm 43% giá trị đến hạn); hàng tiêu dùng (5,1 nghìn tỷ, chiếm 29% giá trị đến hạn) và xây dựng (2,27 nghìn tỷ, chiếm 12,8% giá trị đến hạn).

TPDN đáo hạn hàng tháng năm 2023



TPDN được mua lại trước hạn năm 2022-2023

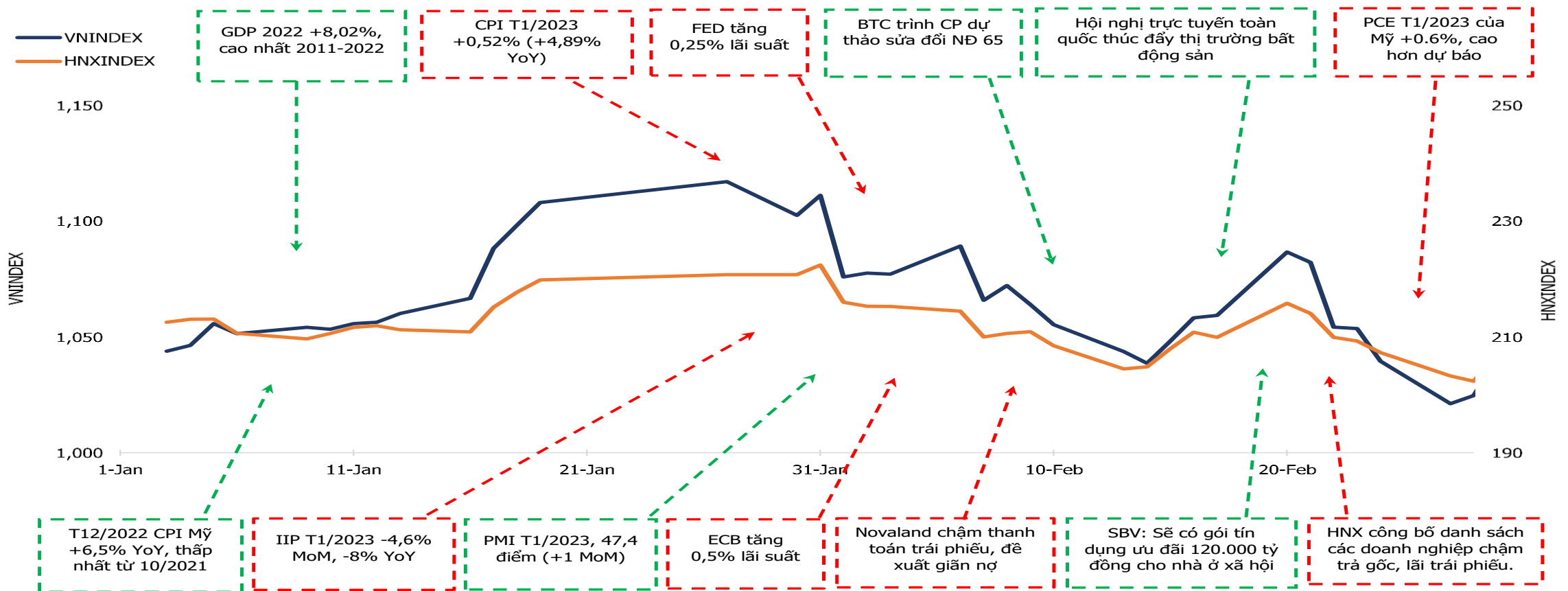


Nguồn: VBMA



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

VN-INDEX quay trở lại vùng giá cuối năm 2022: Sau tháng 01/2023 tăng điểm, VN-INDEX đã giảm trở lại vùng giá đầu năm 2023 khi kết thúc tháng 02/2023 ở mức 1.024,68 điểm giảm 7,78% so với tháng 01 và tăng 1,74% so với cuối năm 2022. Áp lực giảm điểm vẫn đến từ: 1/Lo ngại về áp lực thanh toán nợ trái phiếu đến hạn, đặc biệt với nhóm doanh nghiệp bất động sản; 2/Kết quả kinh doanh quý 4 và năm 2022 của các DNNY kém khả quan, lãi sau thuế toàn thị trường tăng 6,3% năm 2022 so với 42,1% năm 2021; 3/Lạm phát duy trì ở mức cao, FED và ECB tiếp tục nâng lãi suất; 3/Chiến tranh Nga – Ukraine kéo dài, leo thang xung đột.



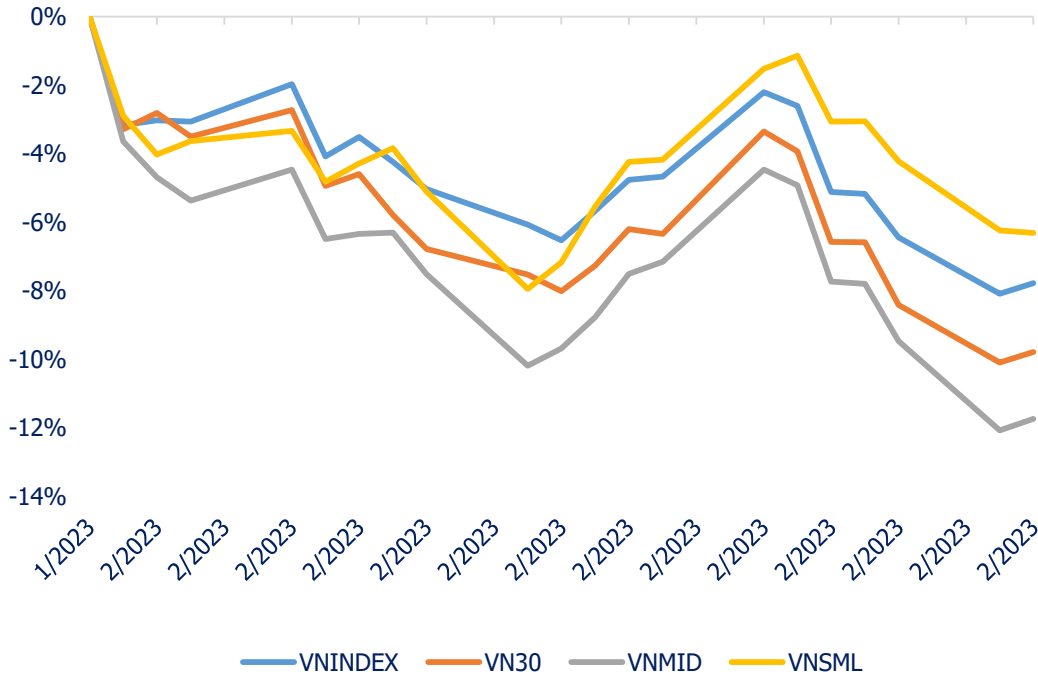


Biến cơ hội thành giá trị

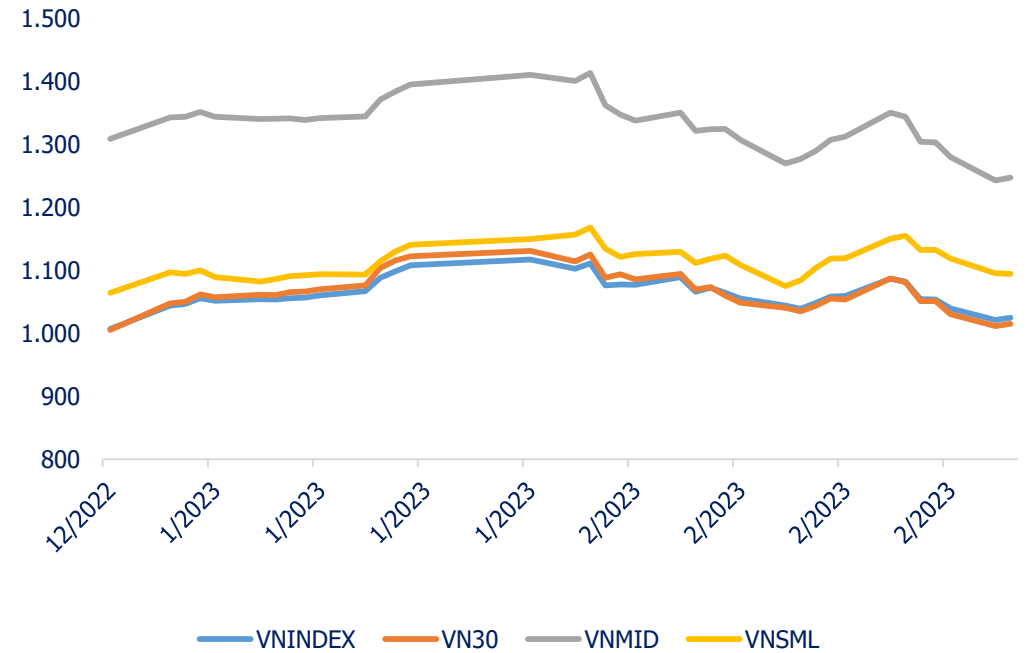
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Trong tháng 02/2023 nhóm VN30 và Midcap diễn biến tiêu cực hơn chỉ số chung với mức giảm lần lượt 9,79% và 11,7% so với tháng 01, VN30 kết thúc tháng 02/2023 thấp hơn VNINDEX ở mức 1.014,96 điểm. Nhóm Small Cap nhờ có sự dịch chuyển dòng tiền của nhà đầu tư cá nhân nên mức giảm thấp hơn. Kết thúc 02 tháng đầu năm 2023, các chỉ số hầu như không biến động nhiều, vẫn duy trì lạc quan khi VN-INDEX và VN30 vẫn cao hơn mức giá mở đầu năm 2023 tương ứng với VN-INDEX 1.011,39 điểm, VN30 1.010,52 điểm.

Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong năm 2022



Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2022



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

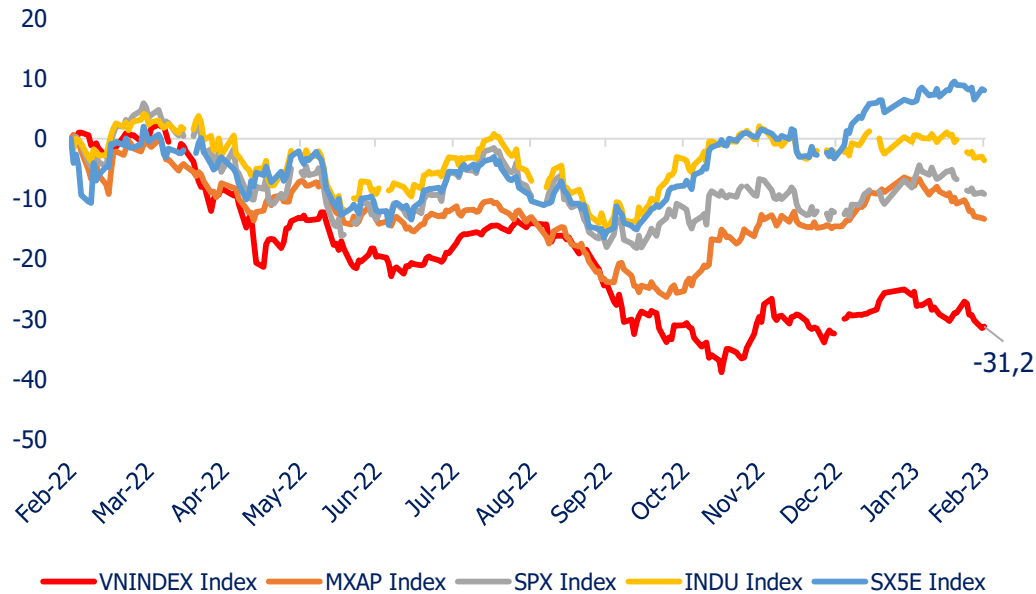


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

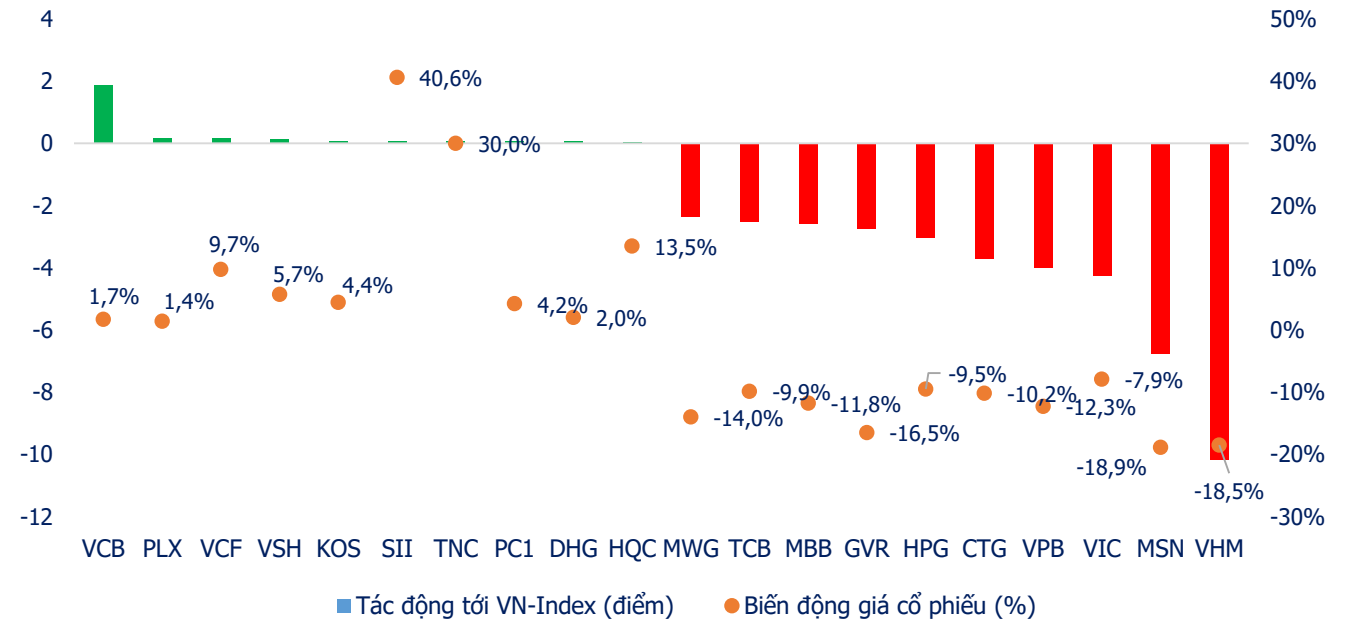
Nhóm cổ phiếu VN30 ảnh hưởng tiêu cực nhất tới VN-Index trong tháng 02. Ngoại trừ VCB (+1,7%) và PLX (+1,36%), các mã khác đều giảm trong đó tác động mạnh nhất là VHM (-18,5%) khi giá quay trở lại thời điểm đại dịch tháng 03/2020, tiếp theo là MSN (-18,9%), VIC (-7,9%). Nhóm cổ phiếu ngân hàng VPB (-12,3%), CTG (-10,2%), MBB (-11,8%), TCB (-9,9%) và HPG (-9,5%), GVR (-16,5%), MWG (-14,0%) tiếp tục suy yếu trước những ảnh hưởng của thị trường bất động sản, trái phiếu và áp lực bán ròng của nhà đầu tư tổ chức.

Những yếu tố nội tại trên dẫn đến VN-INDEX vẫn là chỉ số thị trường có diễn biến kém tích cực nhất so với các thị trường trong khu vực. Mức độ suy giảm vẫn lớn nhất và phục hồi kém nhất tính từ năm 2022 đến nay.

Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong tháng 2/2023



Nguồn: Fiigroup, SHS Research



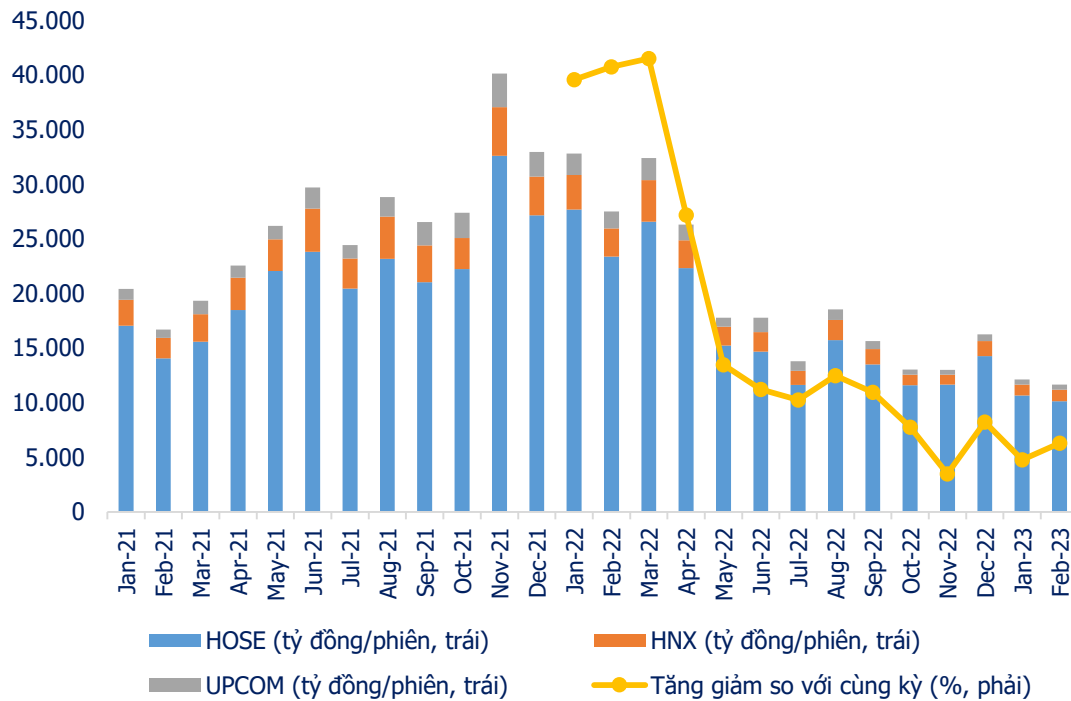
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

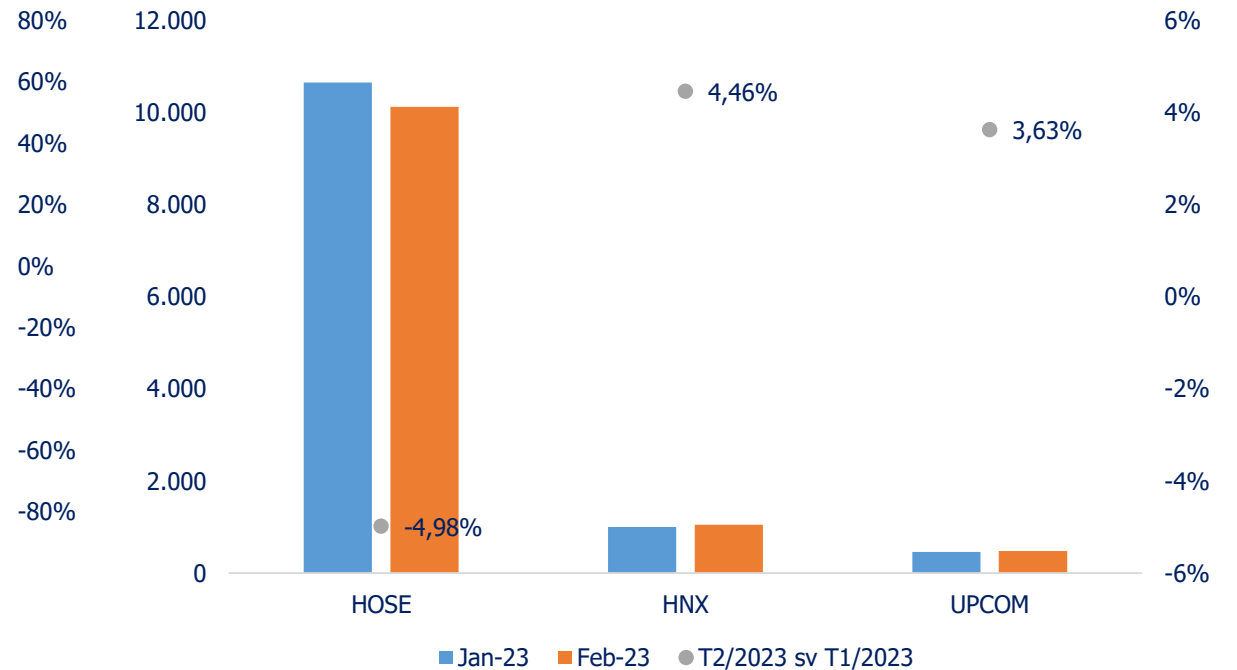
Thanh khoản thị trường giảm nhẹ trong tháng 02/2023. Giá trị giao dịch trung bình cả 3 sàn tháng 02 đạt 11.684 tỷ đồng/phiên, giảm nhẹ so với mức 12.117 tỷ đồng trong tháng 01/2023. Trong đó giao dịch tại sàn HOSE đạt trung bình 10.121,73 tỷ đồng (-4,98% MoM), tại sàn HNX và Upcom lần lượt tăng 4,46% và 3,63% so với tháng 1.

Tính chung 2 tháng đầu năm, giá trị giao dịch trung bình toàn thị trường chỉ đạt 11.900 tỷ đồng/phiên, giảm mạnh tới 60,5% so với bình quân 2 tháng đầu năm 2022.

GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)

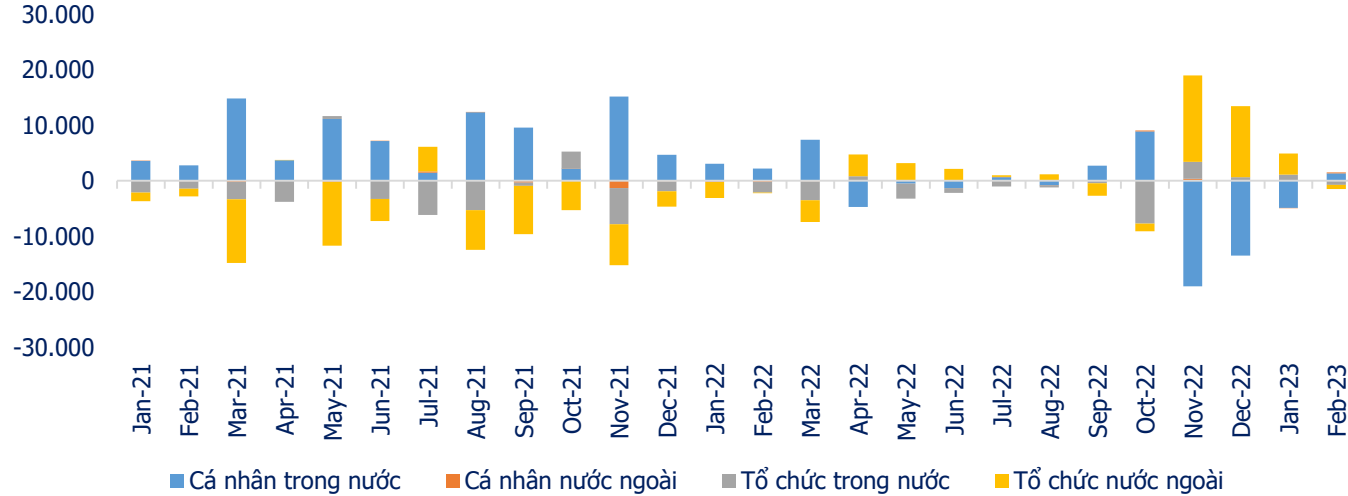


Nguồn: Fiingroup, SHS Research

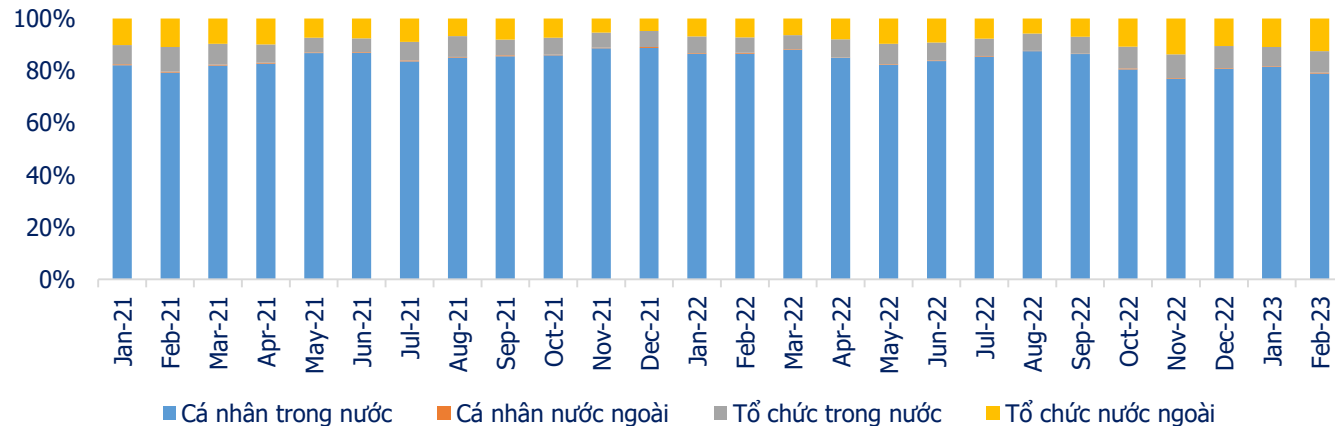


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



Tỷ trọng giao dịch theo loại nhà đầu tư theo tháng



Nhà đầu tư tổ chức bán ròng sau 03 tháng mua ròng đột biến. Trong tháng 2, khối nhà đầu tư tổ chức bán ròng tổng cộng 1.493 tỷ đồng trong đó tổ chức nước ngoài bán ròng 778,14 tỷ đồng, tổ chức trong nước bán ròng 715,53 tỷ đồng, diễn biến trái ngược với lượng mua ròng 37.000 tỷ đồng trong 03 tháng trước đó. Tỷ trọng của khối tổ chức tăng lên 20,7% so với mức 18,2% của tháng 1/2023. Trong khi đó, nhà đầu tư cá nhân đặc biệt là cá nhân trong nước quay trở lại mua ròng nhưng tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân nội giảm từ 81,5% trong tháng 1/2023 xuống 78,98% trong tháng 02/2023, thấp hơn mức trung bình 84% trong 02 năm trở lại đây.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

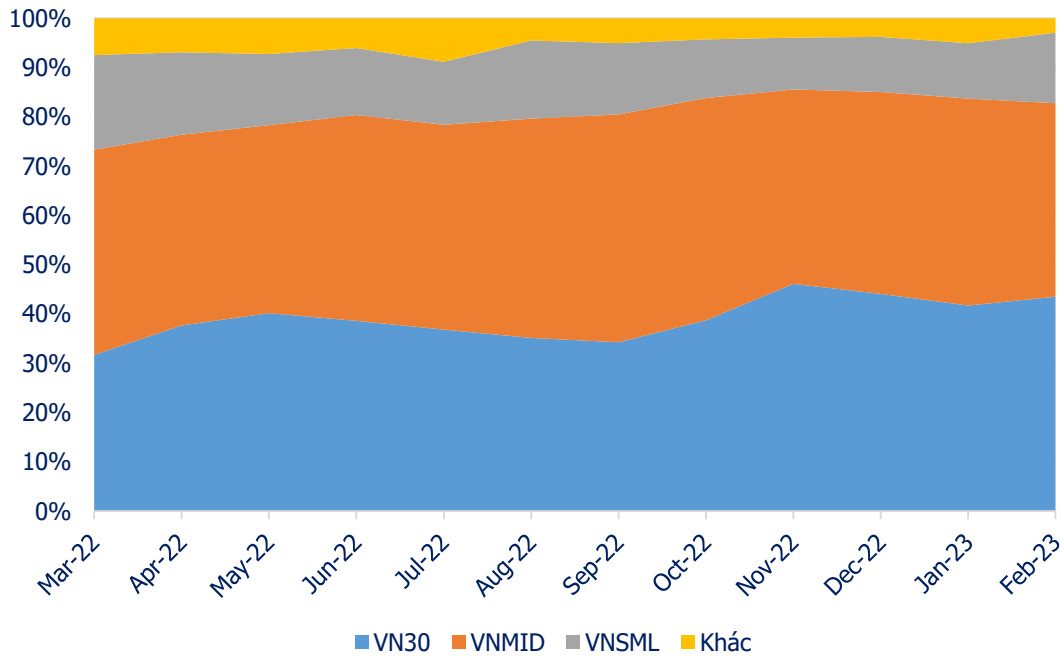


Biến cơ hội thành giá trị

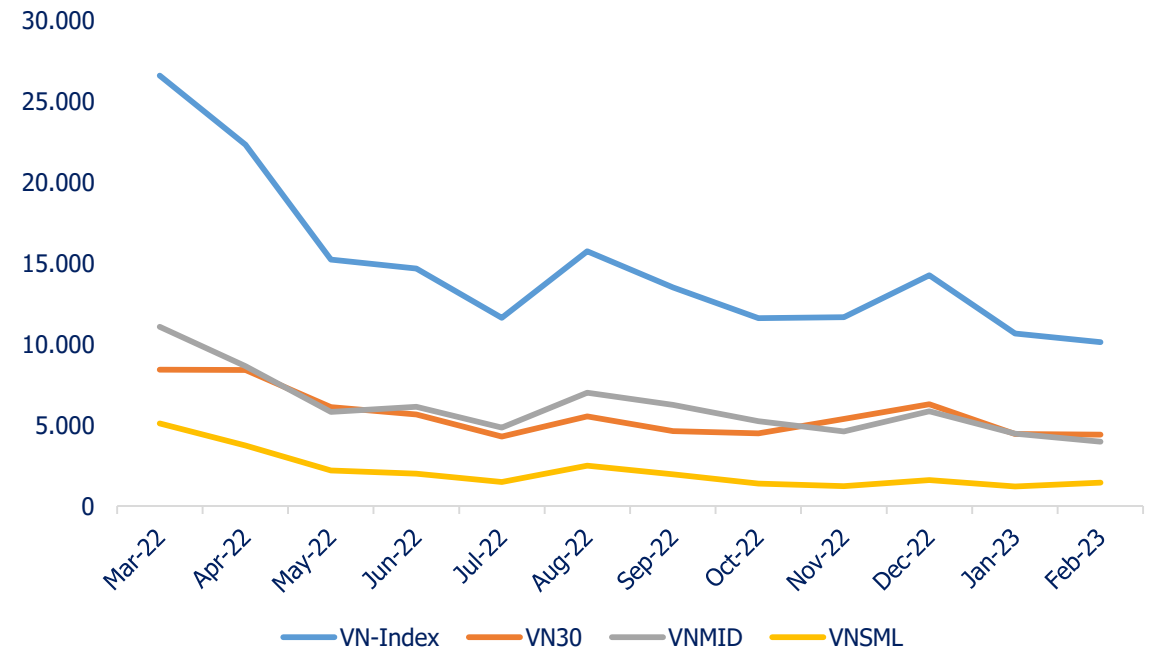
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Tỉ trọng giao dịch của nhóm cổ phiếu VMSML tăng mạnh lên chiếm 14,32% trong thị trường so với mức 11,24% của tháng 01/2023 thể hiện hoạt động giải ngân, đẩy mạnh giao dịch trở lại của nhà đầu tư cá nhân. GTGD bình quân của toàn thị trường cũng vẫn đang trong xu hướng giảm từ tháng 03/2022 đến nay, trong đó tỉ lệ của VN30 chiếm 43,51% cao hơn mức trung bình 39%, VNMID chiếm 39,26% dưới mức trung bình 41-42%.

Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

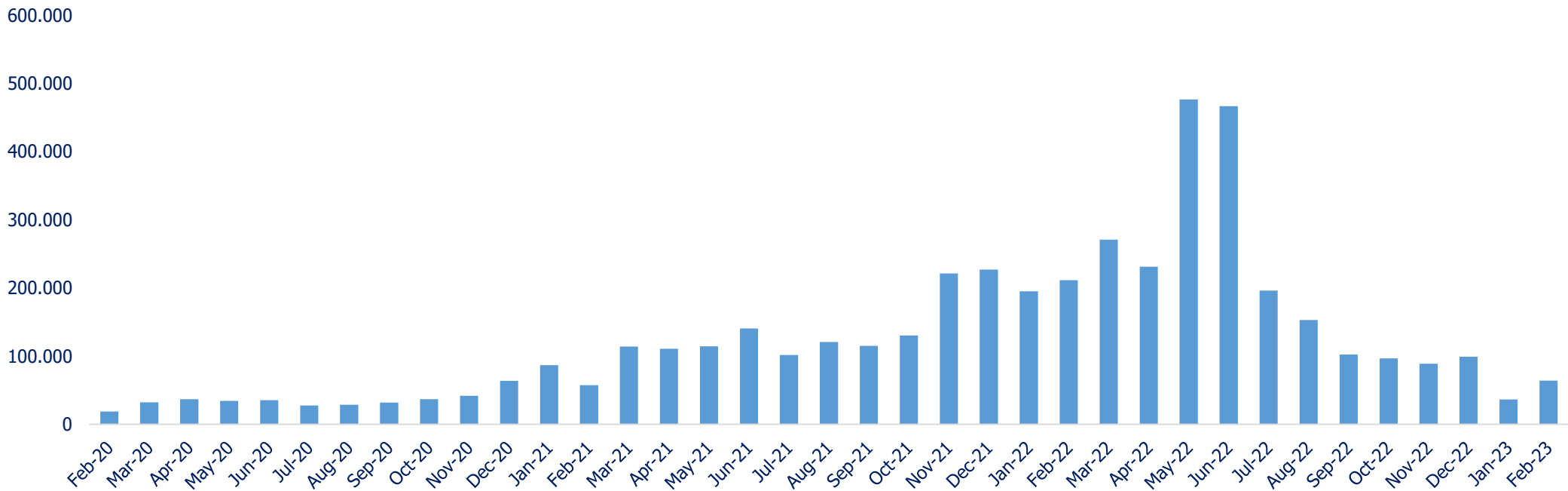


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Số lượng tài khoản của nhà đầu tư mở mới trong tháng 2 tăng 77% (64.040 tài khoản) so với tháng 1, tuy nhiên vẫn duy trì ở mức thấp kể từ đầu năm 2021, trong đó chủ yếu vẫn là tài khoản cá nhân trong nước (99,5%). Tính chung 2 tháng đầu năm 2023 có 100.222 tài khoản chứng khoán mở mới, giảm 79% so với cùng kỳ 2022.

Tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tới cuối tháng 2/2023 đạt trên 6,93 triệu tài khoản, trong đó trên 6,95 triệu tài khoản là của nhà đầu tư nội (99,4%), số tài khoản của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài là 4.362 tài khoản, chỉ tăng thêm 17,7% so với cuối năm 2019, trước khi dịch Covid diễn ra.

Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới theo tháng



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

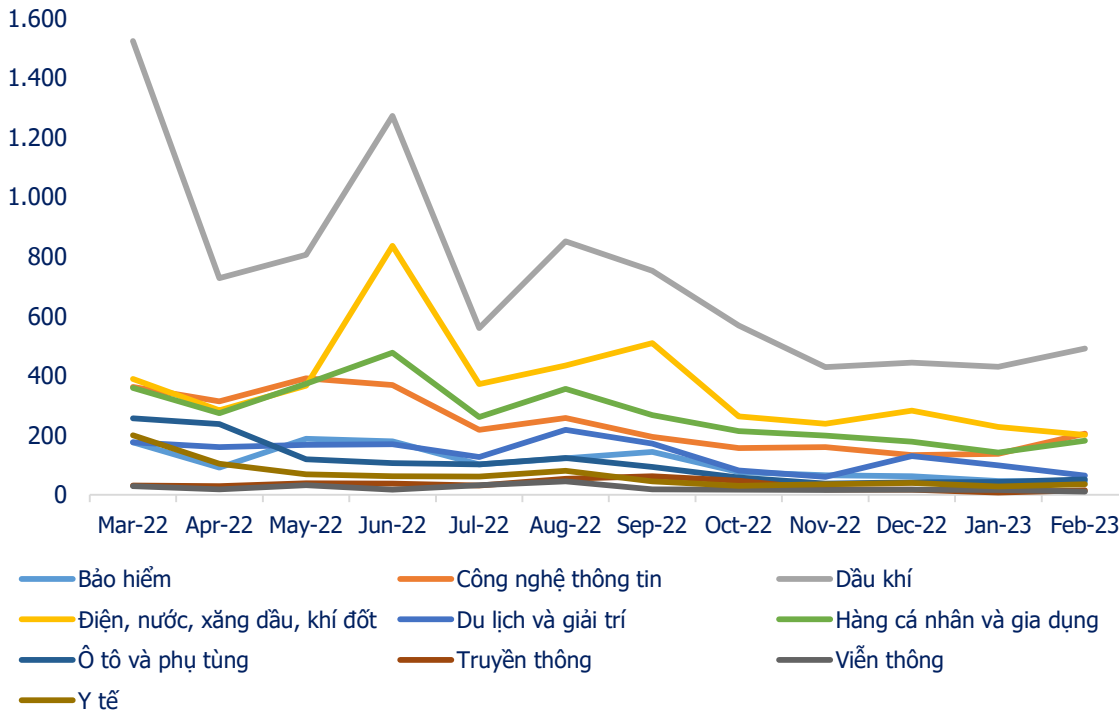


Biến cơ hội thành giá trị

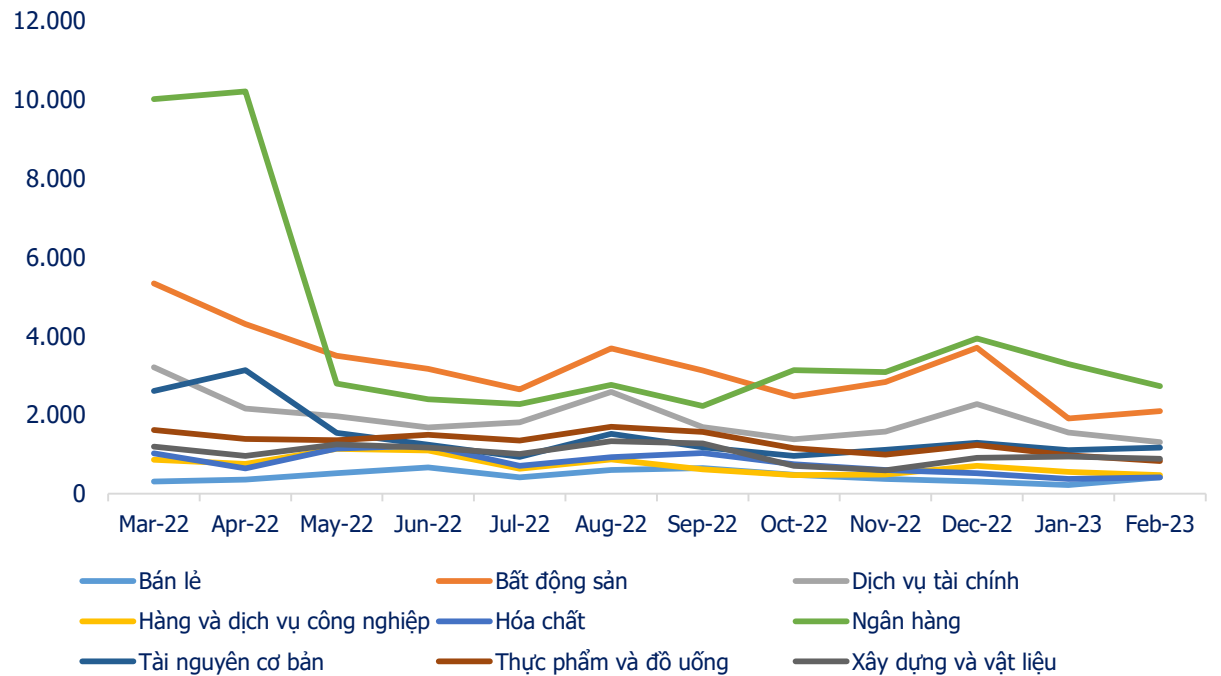
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí tiếp tục có giá trị giao dịch bình quân gia tăng tốt trong tháng 02/2023, duy trì đà tăng từ tháng 11/2022 nhờ đa phần các yếu tố cơ bản, cấu trúc tài chính tốt và kết quả kinh doanh tăng trưởng trên nền giá dầu cao, qua đó thu hút dòng tiền gia tăng. Các ngành có mức độ gia tăng tiếp theo là Công nghệ thông tin, bất động sản, bán lẻ trong đó nhóm bất động sản thể hiện mức độ phục hồi sau quá trình giảm điểm mạnh, cũng như các hoạt động giao dịch mua ròng trở lại của nhà đầu tư cá nhân. Với nhóm bán lẻ giá trị giao dịch tăng mạnh 189% so với tháng 01 lại thể hiện áp lực bán mạnh đột biến với nhóm ngành này. Nhóm ngân hàng có giá trị giao dịch bình quân giảm 02 tháng liên tiếp khi mức độ mua ròng của nhà đầu tư tổ chức giảm trong tháng 01 và chuyển sang bán ròng trong tháng 02/2023.

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



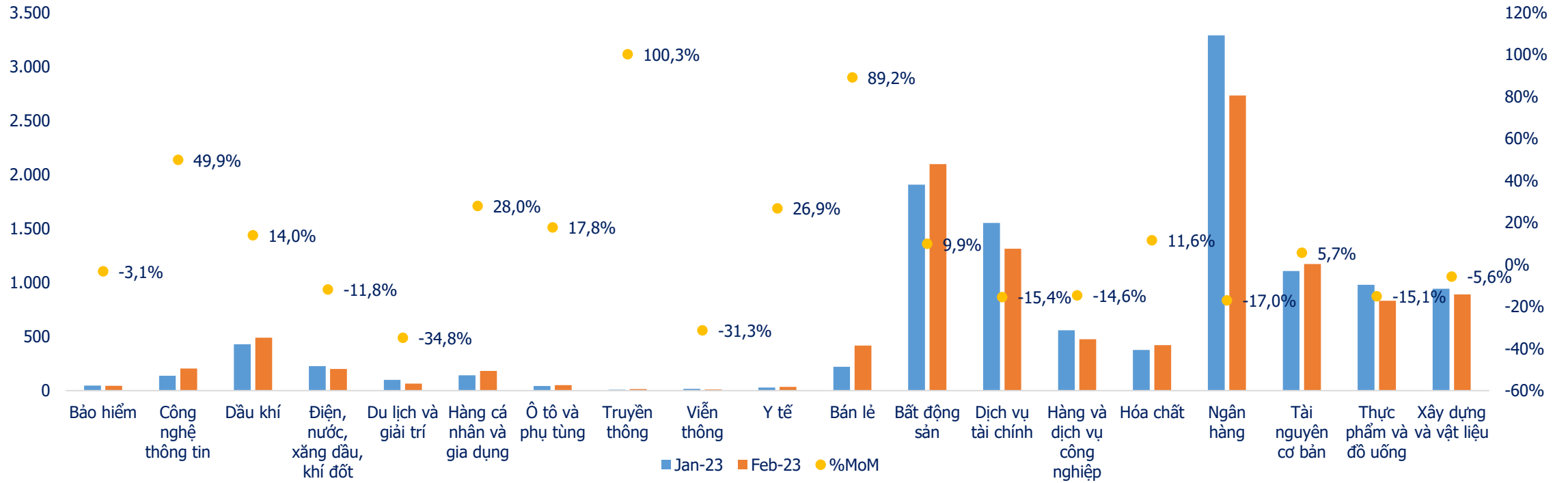
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Nhóm ngành ngân hàng, bất động sản, tài chính vẫn chiếm tỉ trọng giá trị giao dịch lớn trên thị trường, và cũng là nguyên nhân chính khiến chỉ số VNINDEX có những diễn biến kém tích cực trong thời gian qua với những ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường bất động sản, trái phiếu...

Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành



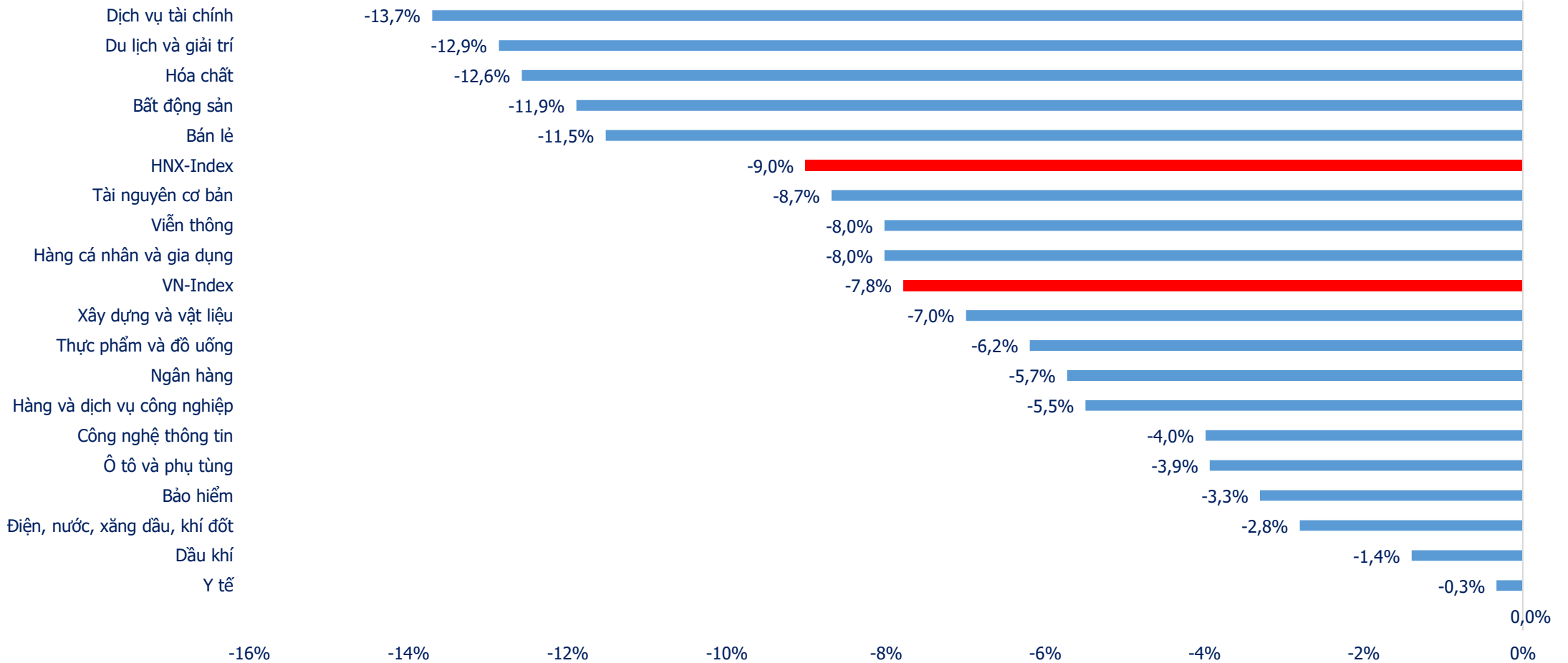
Nguồn: Bloomberg, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 2/2023



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

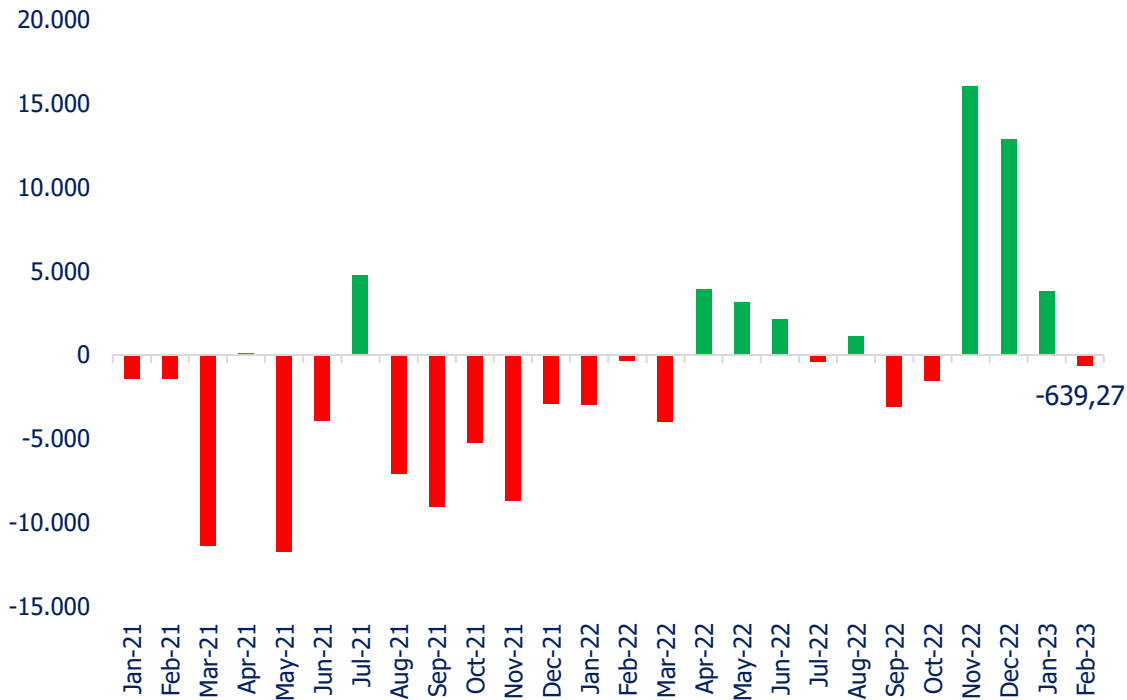


Biến cơ hội thành giá trị

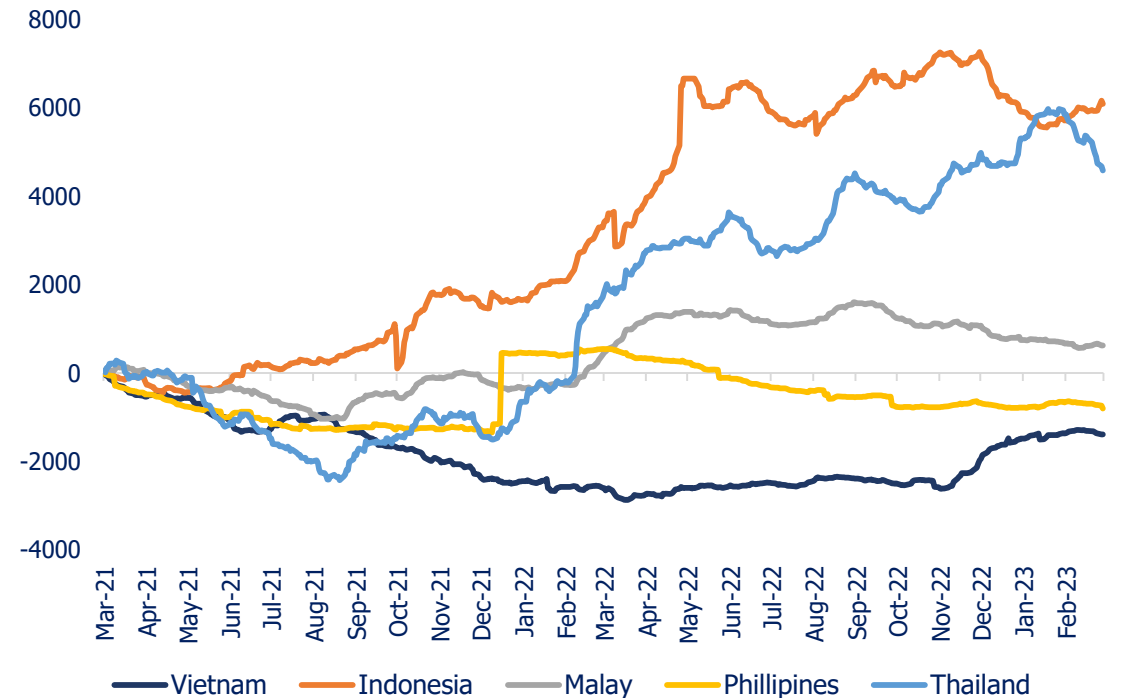
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Sau 3 tháng mua ròng mạnh liên tiếp trên HOSE với tổng cộng 32.596,2 tỷ đồng, khối nhà đầu tư nước ngoài đã quay trở lại bán ròng trong tháng 2/2023 với giá trị 639,3 tỷ đồng. Trong khi đó khối này tiếp tục duy trì mua ròng tháng thứ 4 liên tiếp tại HNX và Upcom với giá trị lần lượt 350,6 tỷ đồng và 26 tỷ đồng. Như vậy tính chung 3 sàn, khối ngoại bán ròng 262,7 tỷ đồng.

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài tại HOSE từ 2021 (tỷ đồng)



Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2021-2023)



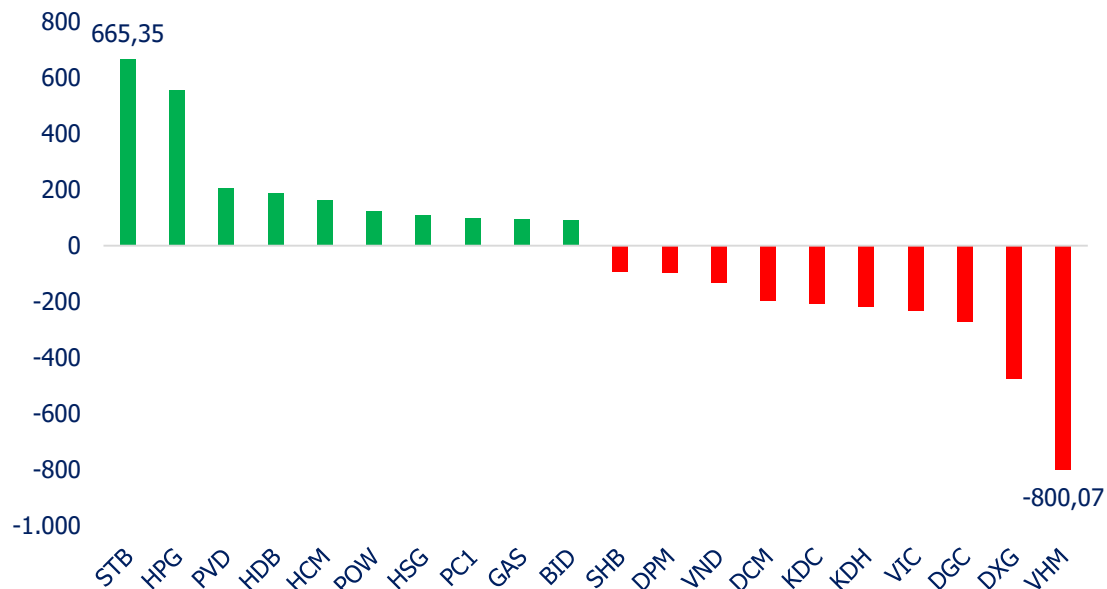
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



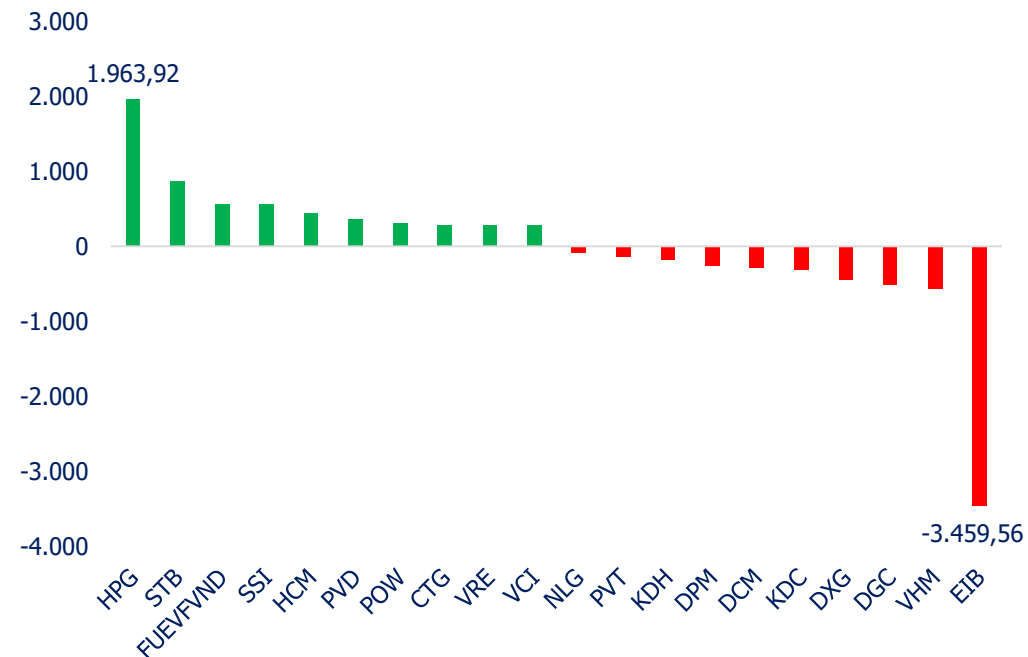
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất tại HOSE tháng 2/2023 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất tại HOSE 2 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiigroup, SHS Research

Tại HOSE, VHM là mã chứng khoán bị khối ngoại bán ròng nhiều nhất trong tháng 2 với 800 tỷ đồng. Trong khi đó, STB là mã chứng khoán được mua ròng mạnh nhất với 663,3 tỷ đồng.

Cổ phiếu EIB và VHM bị bán ròng mạnh nhất trong 2 tháng đầu năm với lần lượt 3.459,56 tỷ đồng và 564,39 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, HPG và STB là hai mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với giá trị ròng lần lượt đạt 1.963,92 tỷ đồng và 875,04 tỷ đồng.



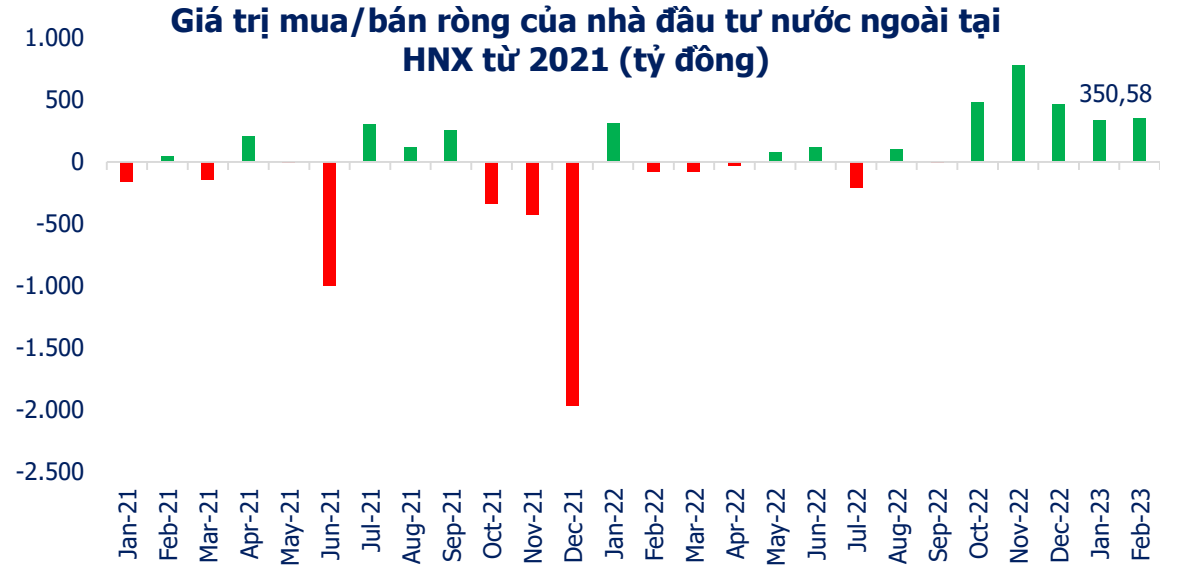
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

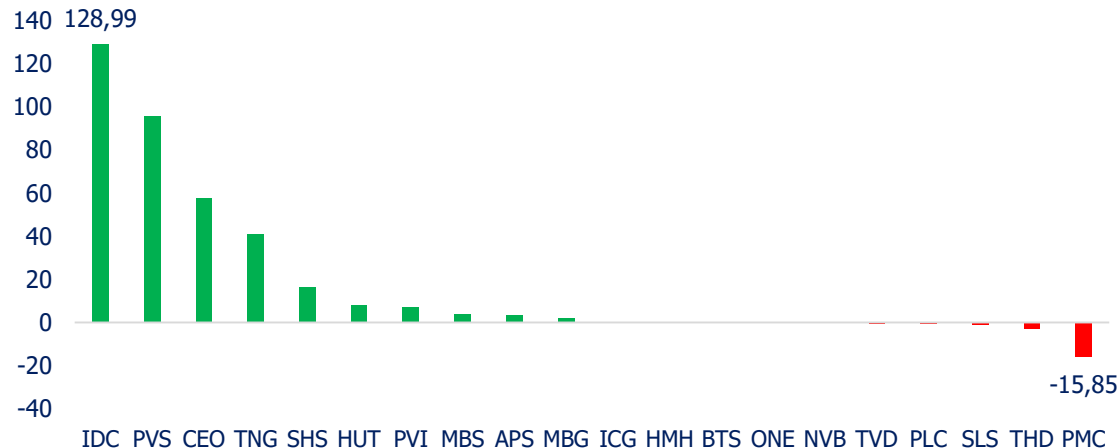
Khối ngoại mua ròng 350,58 tỷ đồng tại HNX trong tháng 2. Lũy kế từ đầu năm 2023, nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên sàn HNX với giá trị 685,02 tỷ đồng.

IDC là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất trong tháng 2 với 128,99 tỷ đồng. Trong khi đó, ở chiều ngược lại, PMC là mã chứng khoán bị bán ròng mạnh nhất với 15,85 tỷ đồng. Tính chung trong 2 tháng, IDC và PVS là hai mã được mua ròng mạnh nhất. Trong khi đó, PMC và SLS là hai mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất.

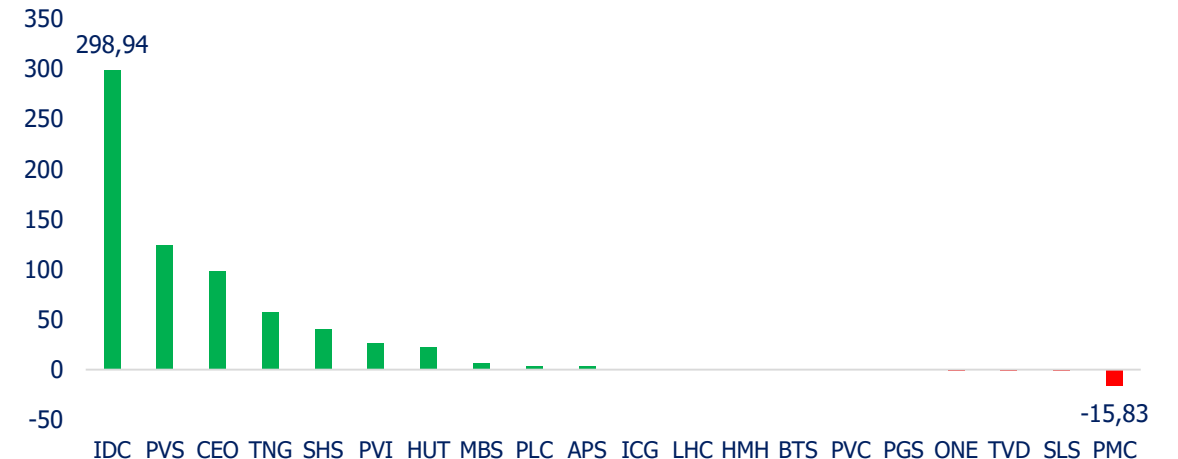
Nguồn: Fiigroup, SHS Research



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX tháng 2/2023 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX 2 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)





Biến cơ hội thành giá trị

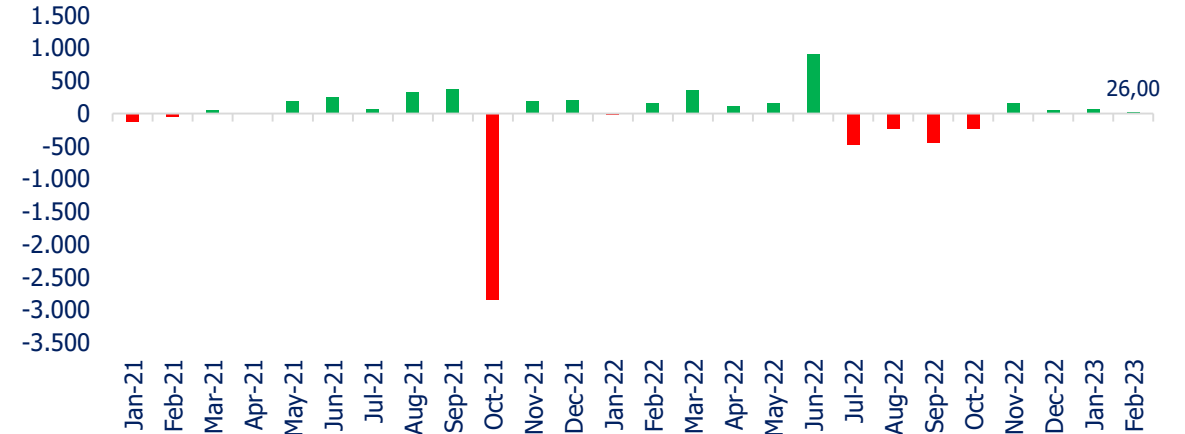
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Khối ngoại mua ròng 26 tỷ đồng trên UPCOM trong tháng 2. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2023, khối này mua ròng trên UPCOM với giá trị 90,96 tỷ đồng.

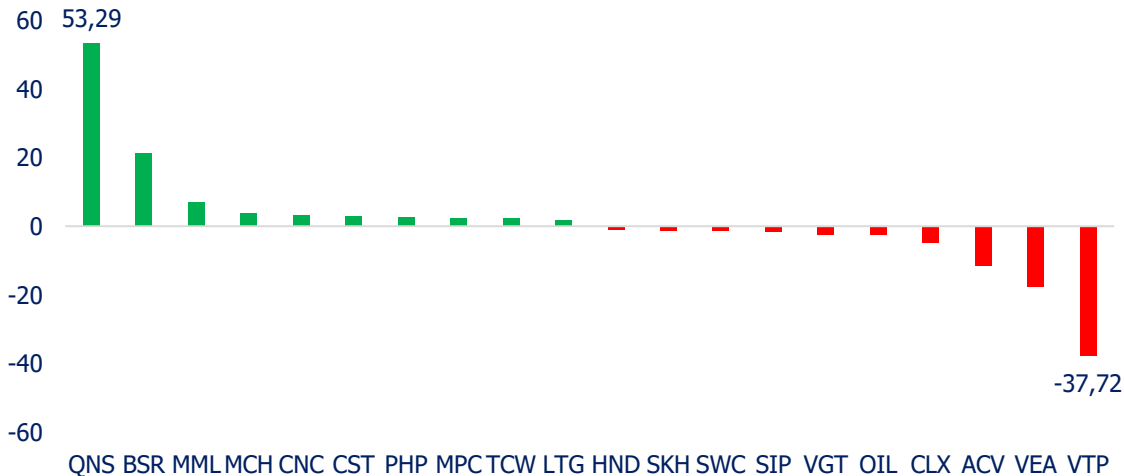
QNS là mã được mua ròng mạnh và VTP là mã bị khối ngoại bán ròng nhiều nhất trong tháng 2. Tính từ đầu năm, BSR và QNS là hai mã được mua ròng nhiều nhất với giá trị ròng lần lượt là 127,09 tỷ đồng và 62,61 tỷ đồng. VTP và VEA là hai mã bị bán ròng nhiều nhất trong 2 tháng với giá trị ròng lần lượt 93,17 tỷ đồng và 18,46 tỷ đồng.

Nguồn: Fiigroup, SHS Research

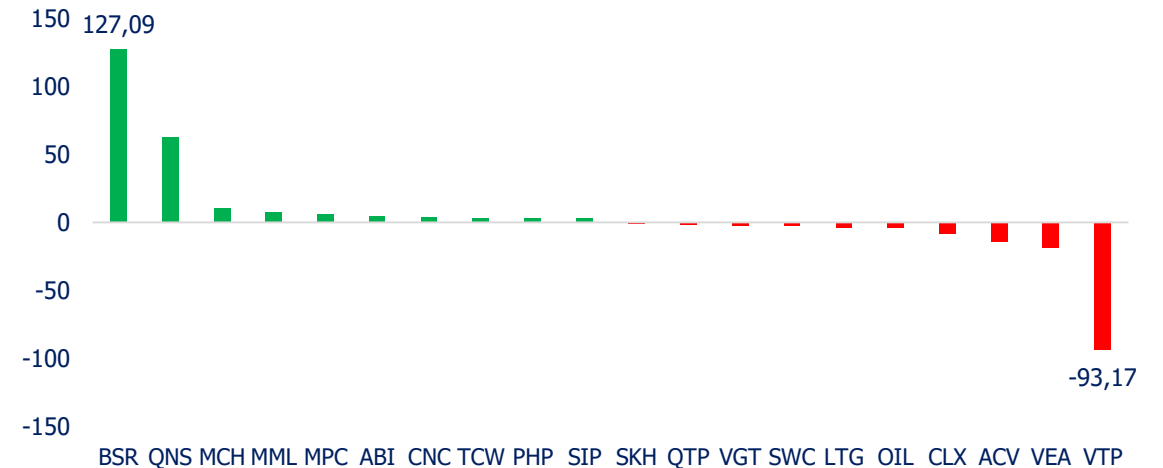
Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM từ 2021 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM tháng 2/2023 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM 2 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)

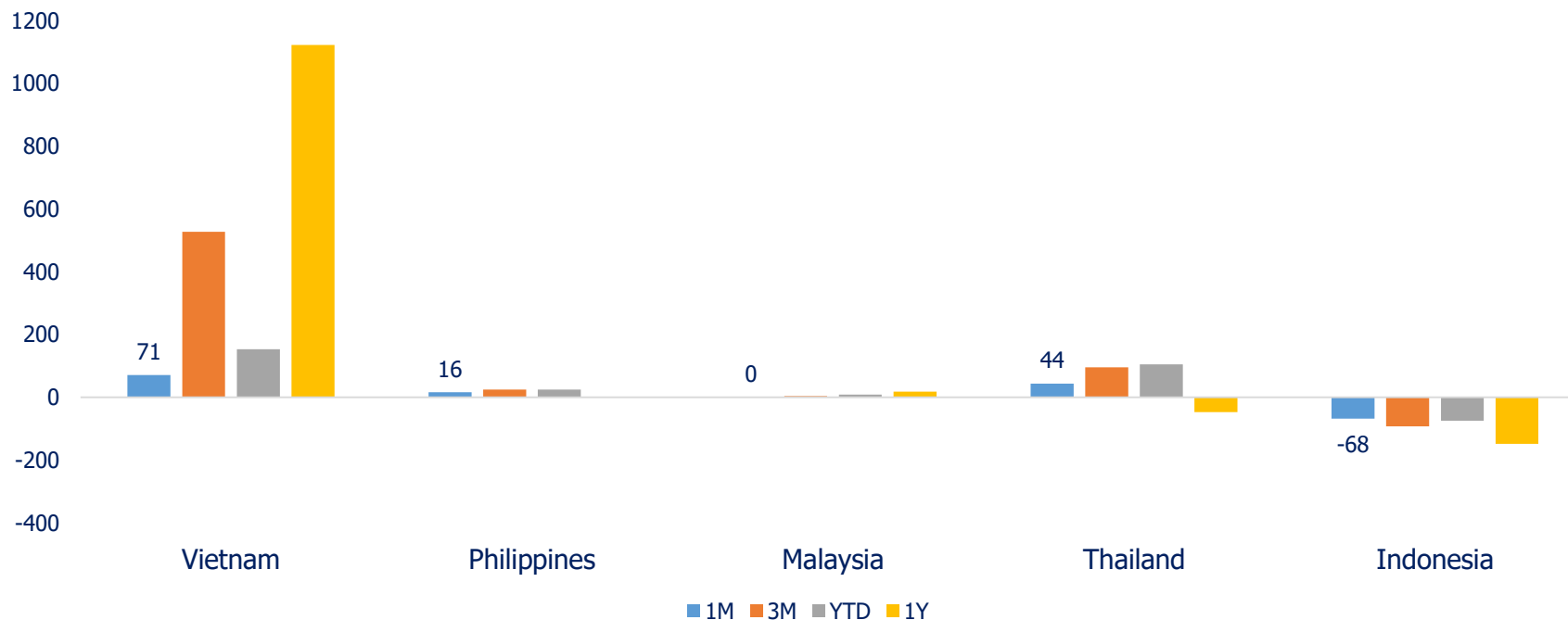




TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Dòng vốn ETF trong tháng 2 tại Đông Nam Á tiếp tục duy trì hút ròng tại Việt Nam (71 triệu USD), Thái Lan (44 triệu USD) Philippines (16 triệu USD) trong khi Indonesia chứng kiến tháng rút ròng thứ 2 liên tiếp với giá trị 68 triệu USD chủ yếu đến từ iShares MSCI Indonesia ETF. Sau một năm giải ngân bùng nổ và đạt đỉnh 2 tháng cuối năm 2022, dòng tiền ETF giải ngân vào thị trường Việt Nam có dấu hiệu hạ nhiệt trong tháng 2 và đảo chiều bán ở một số quỹ như DCVFMVN30 ETF (rút 2,4 triệu USD sau 5 tháng vào ròng liên tiếp), quỹ KIM Growth (rút ròng 2,7 triệu USD).

**Dòng vốn ETF theo quốc gia
(Triệu USD)**



Nguồn: Bloomberg, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2/2023

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM (triệu USD)	NAV (tỷ USD)	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
					1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF (VND)	ETF	657	1.2	659,400,000	1.4	82.5	30.6	334.4
Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)	ETF	560	0.5	1,390,238,000	0.0	100.7	1.5	482
DCVFMVN30 ETF Fund (VND)	ETF	290.5	0.9	380,300,000	(2.4)	25.7	24.8	-13.1
VanEck Vietnam ETF (USD)	ETF	323.5	14.9	26,650,000	3.7	151.8	89.2	166.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)	ETF	268.7	33.7	8,901,310	19.7	68	46.4	99.6
SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)	ETF	121.9	0.7	182,100,000	0.2	14.2	6.7	44.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)	ETF	129.5	15.7	8,000,000	16.8	22.0	-51.1	9.4
Premia MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	21.1	9.9	2,320,000	0.0	0.0	0.0	-2.4
SSIAM VNX50 ETF (VND)	ETF	10.9	1.0	16,000,000	0.0	-3.0	-0.5	-2.0
Asian Growth CUBS ETF (USD)	ETF	10.2	21.5	520,000	0.0	0.0	0.0	0.2
Global x MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	4.7	19.5	190,000	0.8	1.6	0.8	3.1
SSIAM VN30 ETF (VND)	ETF	3.3	0.8	5,400,000	0.0	0.0	0.0	0.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)	ETF	4.7	10.6	500,000	0.0	1.3	0.8	1.9
KIM GROWTH VN30 ETF (VND)	ETF	14.9	0.3	51,500,000	-2.7	-0.7	-2.7	0.0

Nguồn: Bloomberg, SHS Research



TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 3/2023

Sau khi hồi phục tốt trong tháng 1 với mức tăng 10,3%, chỉ số VN-INDEX đã suy giảm trở lại trong tháng 2 với mức giảm 7,8% và gần như lấy đi toàn bộ mức tăng kể từ đầu năm. Tuy nhiên, VN-INDEX hiện tại vẫn đang ở mức cao hơn cuối năm 2022 (1.007,09 điểm).

Về mặt xu hướng, tín hiệu kỹ thuật của VN-INDEX hiện đang không được tốt khi chỉ số này vẫn nằm dưới các đường MA100 (1.033 điểm), MA20-50 (1.053 điểm) và MA200 (1.128 điểm). Sẽ cần sự nỗ lực rất lớn trong thời gian tới để lấy lại các ngưỡng kể trên.

Thanh khoản trong giai đoạn gần đây cũng có sự suy giảm mạnh và thường xuyên nằm dưới mức trung bình của 20 phiên gần nhất cho thấy là nhà đầu tư có lẽ đang dần trở nên chán nản với diễn biến thị trường hiện tại.

Chúng tôi dự đoán thị trường có thể sẽ đi ngang và giằng co trong tháng 3 với biên độ trong khoảng 1.015 điểm - 1.095 điểm, nhưng vẫn sẽ kết tháng với mức tăng nhẹ do tháng 3 là tháng có xác suất tăng điểm cao nhất tại thị trường chứng khoán Việt Nam (72%).



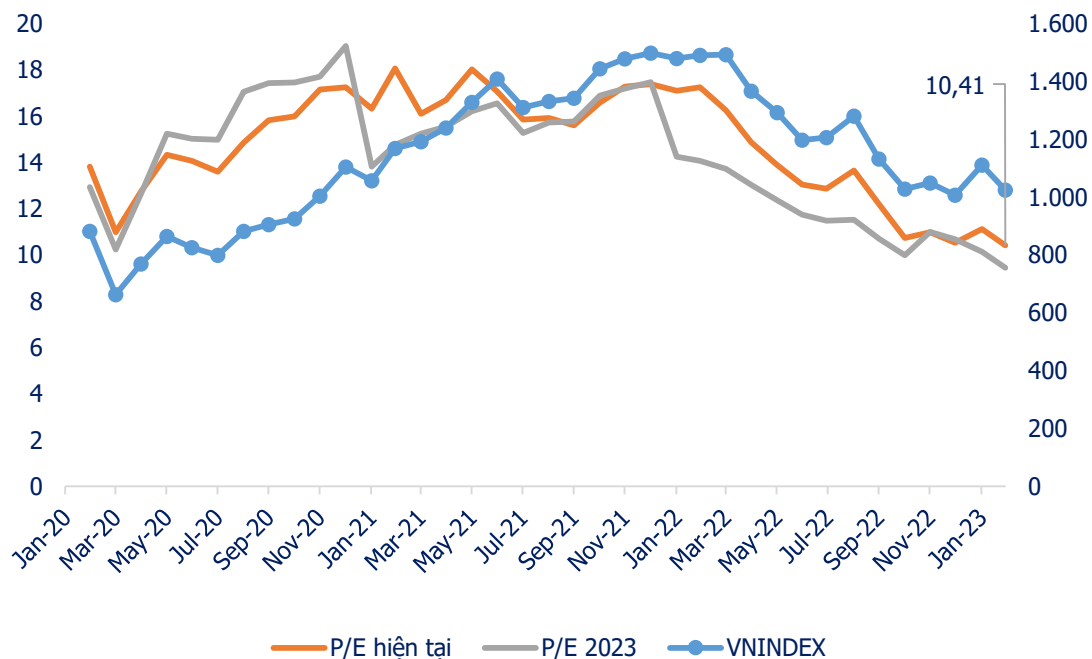


Biến cơ hội thành giá trị

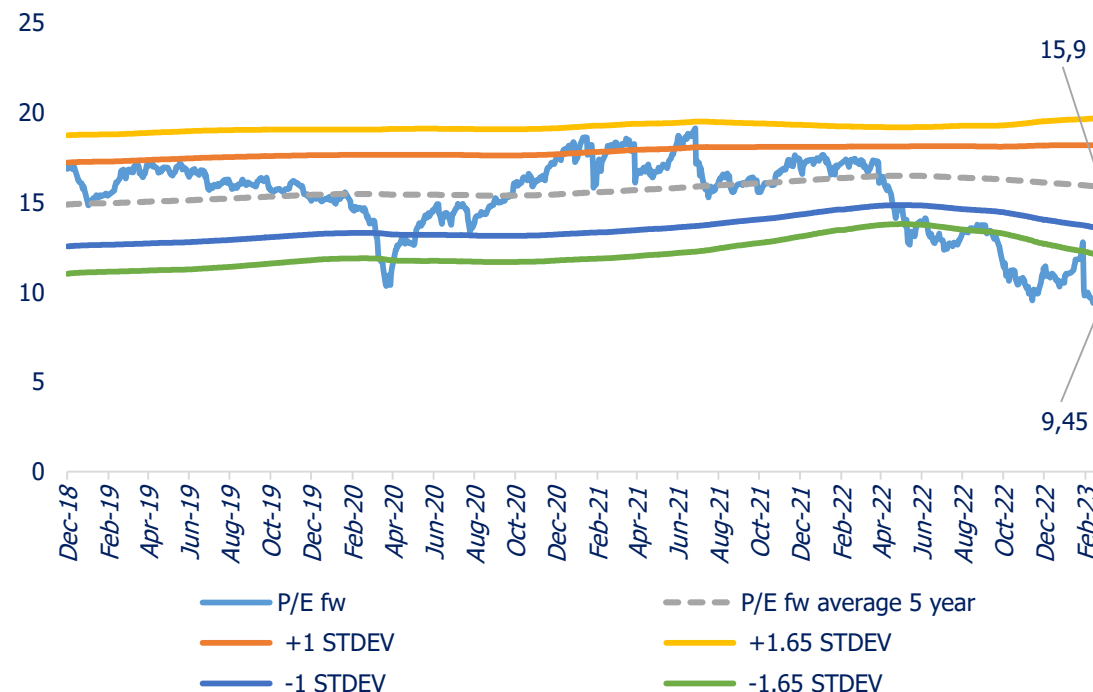
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 3/2023

Vào thời điểm kết thúc tháng 2/2023, định giá toàn thị trường tiếp tục duy trì ở mức thấp so với trung bình nhiều năm, P/E của chỉ số VN-Index đang ở mức 10,41 lần, thấp hơn 37% so với mức trung bình trong 10 năm gần nhất (16,5 lần).

Định giá TTCK VN



P/E forward VNIndex



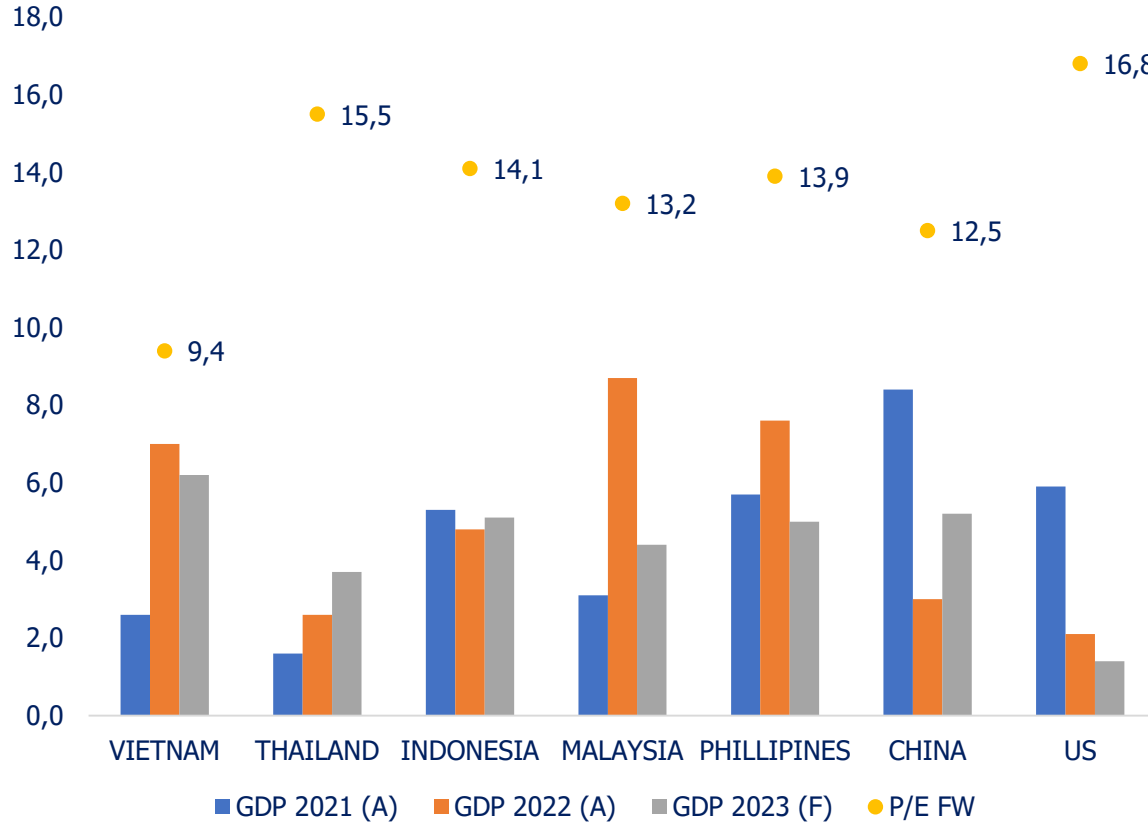
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



Biến cơ hội thành giá trị

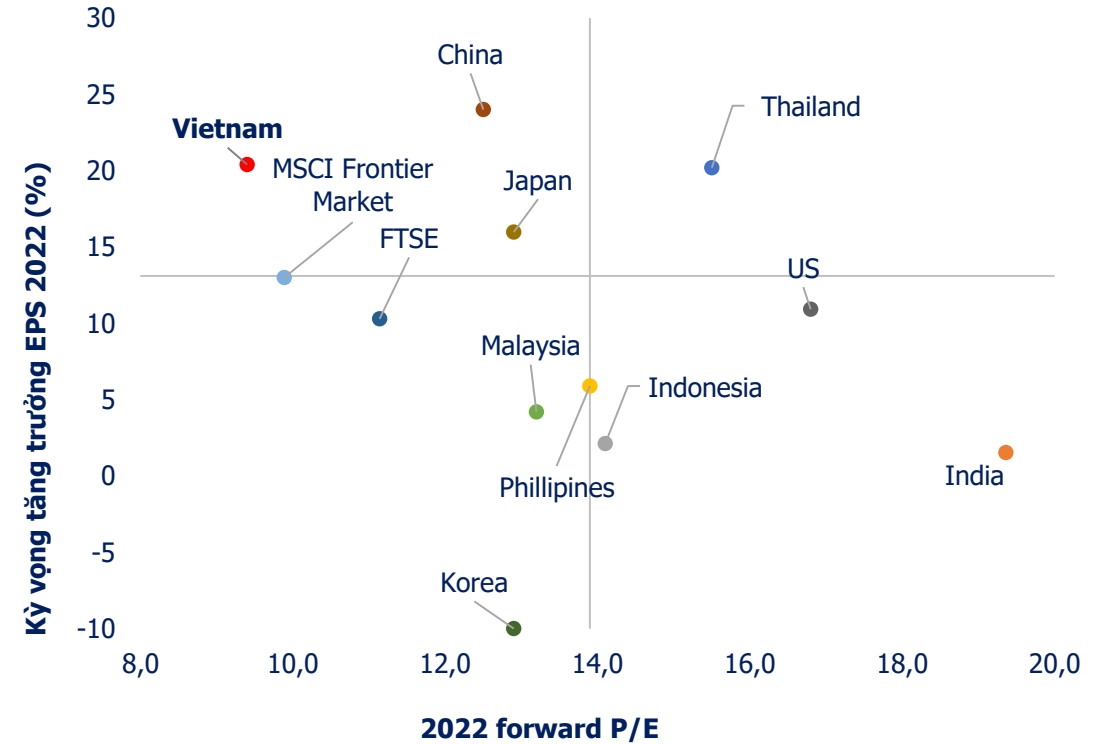
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 3/2023

TTCK VN so với các nước trên thế giới



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

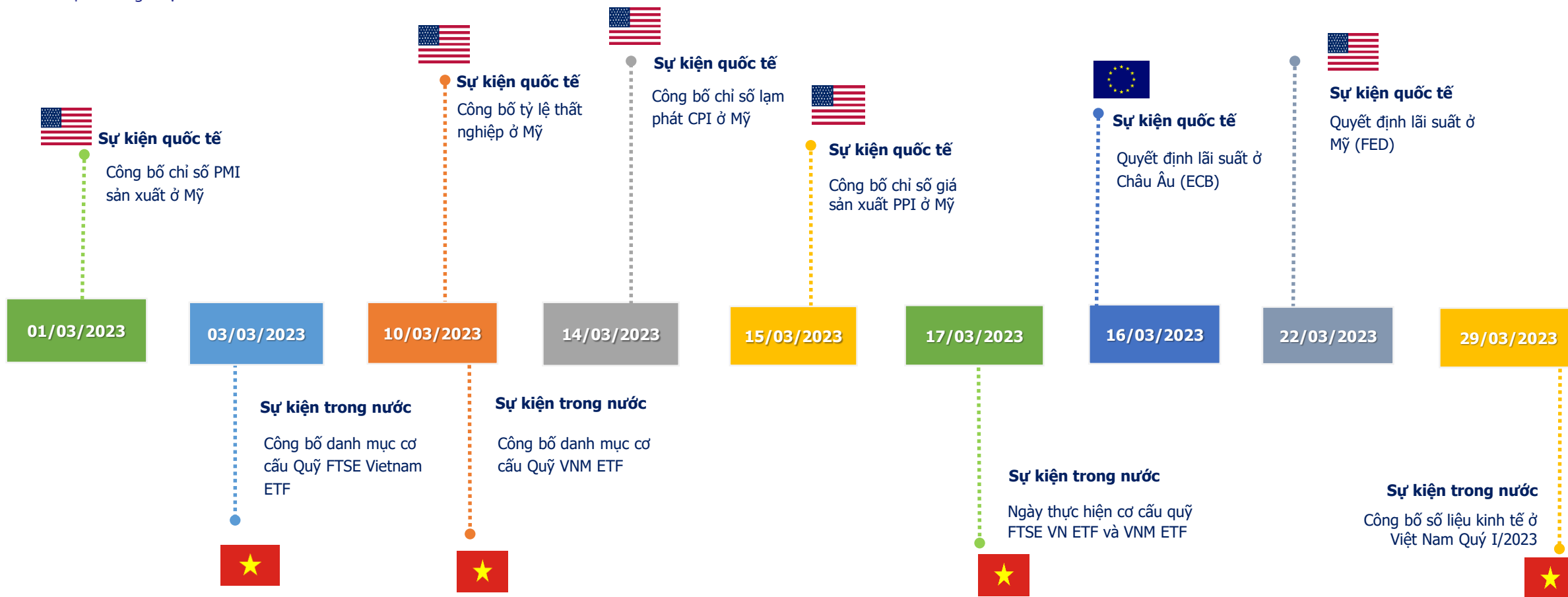
Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2022





Biến cơ hội thành giá trị

LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 3/2023





Biến cơ hội thành giá trị

KHUYẾN NGHỊ

Website: www.shs.com.vn
Đại hội đồng Cổ đông: <http://dhcd.shs.com.vn>

Chịu trách nhiệm nội dung:

Văn phòng Hội đồng Quản trị và Phòng Phân tích

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Bản tin này được tổng hợp, trích dẫn thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin hỗ trợ Nhà đầu tư tra cứu mà không có giá trị pháp lý, không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin này như là một nguồn thông tin tham khảo.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup, Vietstock và Fialda, Fireant và Phòng Phân tích SHS và các nguồn khác.

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:

Văn phòng Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, P.Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm,
Hà Nội

Tel: 84.24.39413616

Mobile/Zalo: 038.9298080/ 0936388887

Email: investor@shs.com.vn
Quynh.dtn@shs.com.vn

Vui lòng quét QR code sau để tra cứu thêm thông tin:



**ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG**
<http://dhcd.shs.com.vn>



SHTRADING
MOBILE APP



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

THANK YOU TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

TRỤ SỞ:

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Website: www.shs.com.vn

Email: contact@shs.com.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/shsecurities>

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh
Trung, Q.Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779

Email: contact-dn@shs.com.vn

CHI NHÁNH TP.HCM

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
P. Bến Nghé, Quận 1, TP HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Email: contact-hcm@shs.com.vn

**BP QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ
VĂN PHÒNG HĐQT**

Tầng 5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888

Mobile: 038.9298080

09363.8888.7

Email: investor@shs.com.vn

Quynh.dtn@shs.com.vn